

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày: 17/06/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 04/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 01 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / / tại:

Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Green số 7 lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0225) 3 556 002

Fax: +84 (0225) 3 556 008

Website: www.hapaco.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ: Chánh văn phòng, Trưởng phòng Đầu tư Kinh doanh, Người quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Số điện thoại: 02253556002

Hải Phòng, tháng 12 năm 2021

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17/06/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / / tại:

Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Green số 7 lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0225) 3 556 002

Fax: +84 (0225) 3 556 008

Website: www.hapaco.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ: Chánh văn phòng, Trưởng phòng Đầu tư Kinh doanh, Người quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Số điện thoại: 02253556002

Hải Phòng, tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

(Giấy chứng nhận đăng ký nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17/06/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 55.471.151 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 554.711.510.000 đồng

✚ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Trụ sở: Tầng 3, số 8, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3761.3399 Fax: (8424) 3761.5599

✚ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở: Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	12
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	12
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng.....	14
6. Rủi ro quản trị.....	17
7. Rủi ro khác.....	18
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	21
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Hapaco.....	25
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	28
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	31
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	37
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	38
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	38
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	39
10. Hoạt động kinh doanh.....	39

11. Chính sách đối với người lao động	64
12. Chính sách cổ tức	66
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm 2019 – 2020.....	66
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	66
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	67
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.	67
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	67
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	67
2. Tình hình tài chính	70
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	81
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	83
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	86
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	86
2. Thông tin về cổ đông lớn	86
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	89
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	118
1. Loại cổ phiếu.....	118
2. Mệnh giá cổ phiếu:.....	118
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	118
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	118
5. Giá chào bán dự kiến	118

6. Phương pháp tính giá	118
7. Phương thức phân phối	119
8. Đăng ký mua cổ phiếu	120
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	121
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	122
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	122
12. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	122
13. Các loại thuế có liên quan	123
14. Thông tin về các cam kết	124
15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	125
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	126
1. Mục đích chào bán	126
2. Thông tin liên quan đến Công ty cổ phần Bệnh Viện Quốc tế Green	126
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	135
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	141
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	141
XII. PHỤ LỤC	141
XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, DÒNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	142

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Giá trị tăng thêm ngành giấy và in ấn	13
Bảng 2: Danh sách Công ty con, các Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm hiện tại	31
Bảng 3: Danh sách Công ty liên kết của Tổ chức phát hành trong năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm hiện tại	34
Bảng 4: Thông tin các đợt tăng vốn	37
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 16/07/2021	39
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Hapaco	41
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận của Hapaco	42
Bảng 8: Tài sản lớn thuộc sở hữu của Hapaco tính đến 30/09/2021	43
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu lợi nhuận theo từng thị trường	44
Bảng 10: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020	44
Bảng 11: Thông tin một số hợp đồng đầu vào của Hapaco	46
Bảng 12: Thông tin một số hợp đồng đầu ra của Hapaco	49
Bảng 13: Thông tin các khách hàng lớn	52
Bảng 14: Thông tin các nhà cung cấp lớn	53
Bảng 15: So sánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn với các	56
Bảng 16: Cơ cấu lao động bình quân 2 năm 2019, 2020	64
Bảng 17: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2021	65
Bảng 18: Tỷ lệ cổ tức	66
Bảng 19: Tóm tắt hoạt động kinh doanh của Hapaco năm 2019, 2020 và 9T/2021	67
Bảng 20: Cơ cấu vốn kinh doanh	70
Bảng 21: Thời gian khấu hao Tài sản cố định	71
Bảng 22: Mức lương bình quân	72
Bảng 23: Các khoản phải thu tại các thời điểm	73
Bảng 24: Các khoản phải trả tại các thời điểm	75
Bảng 25: Số dư các khoản vay tại các thời điểm	76
Bảng 26: Các khoản phải nộp theo luật định	78
Bảng 27: Tình hình trích lập các quỹ	79

Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019, 2020	79
Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận Hợp nhất và cổ tức năm 2021 của Hapaco	83
Bảng 30: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% cổ phần tại thời điểm 16/07/2021	86
Bảng 31: Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan.....	86

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020	9
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011-2020	10

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Hapaco	25
Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty.....	28
Sơ đồ 3: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green.....	128

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Vũ Dương Hiền	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Vũ Xuân Thủy	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Bà: Cao Thị Thúy Lan	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông: Nhữ Đình Hòa Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 74/2021/BVSC-HAP/TV-PIICP ngày 07 tháng 05 năm 2021 với Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Tập đoàn Hapaco (Hapaco) chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực sản xuất giấy, bột giấy, dịch vụ thương mại và đầu tư tài chính. Trong đó hoạt động đầu tư tài chính nằm ở Công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (HAP), hoạt động sản xuất kinh doanh giấy nằm ở các công ty con. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Hapaco có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Hapaco nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong vài năm trở lại đây tính đến năm 2019, nền kinh tế toàn cầu đã có những bước tăng trưởng tích cực. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiểm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất... đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Trong 3 năm 2017, 2018 và 2019, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam đạt lần lượt là 6,81%, 7,08%, 7,02%. Riêng năm 2019, GDP đạt kết quả ấn tượng khi vượt mục tiêu của Quốc Hội đề ra từ 6,6% - 6,8%, cho thấy hiệu quả trong công tác quản lý của Chính phủ và các cấp các ngành cùng cộng đồng doanh nghiệp nỗ lực thực hiện để đạt kết quả tốt. Tuy nhiên năm 2020 đánh giá là một năm khó khăn của không chỉ riêng Việt Nam mà toàn bộ nền kinh tế trên thế giới nói chung do một số yếu tố mà chủ yếu là dịch Covid-19 hoành hành.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

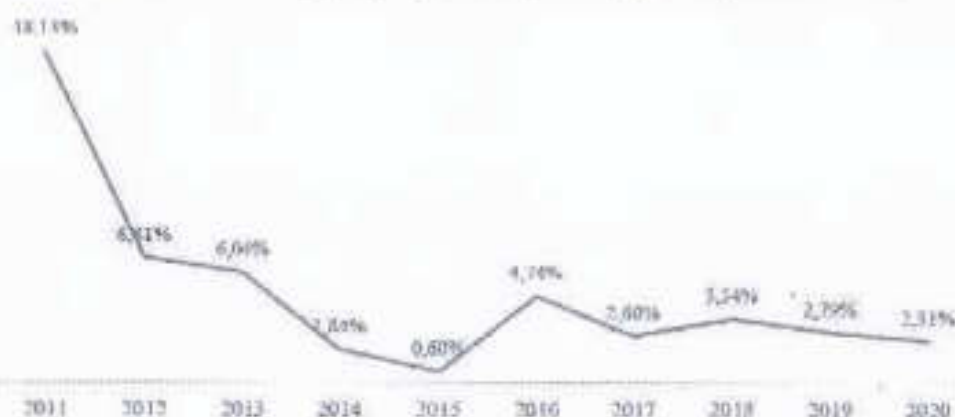
Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2020 tăng 2,91% là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020. Kết quả thể hiện sự tăng trưởng chậm

rõ rệt của nền kinh tế, tuy nhiên đây là tín hiệu khả quan nếu đặt trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu chịu sự tác động lớn từ đại dịch Covid-19, căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung... khi mà nhiều nước trên thế giới có mức tăng trưởng kinh tế âm. Tính đến hết Quý III/2021, GDP ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước. GDP 9 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Tăng trưởng kinh tế giảm sẽ kéo theo nhu cầu về hàng hóa giảm nói chung và nhu cầu đầu ra các sản phẩm giấy nói riêng giảm từ đó tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, giai đoạn 2016 – 2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm, đặc biệt năm 2019 là năm có tỷ lệ lạm phát thấp nhất trong giai đoạn này ở mức 2,79% - thấp hơn nhiều so với mục tiêu Quốc Hội đề ra là 4%. Trong năm 2020, dưới bối cảnh nền kinh tế dự báo gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, Quốc Hội tiếp tục đề ra mục tiêu lạm phát năm 2020 dưới 4%. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,23% so với bình quân năm 2019. Tính đến hết 09 tháng đầu năm 2021, lạm phát cơ bản bình quân tăng 0,88% và CPI bình quân tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011-2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh thông qua kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, sản xuất giấy như Hapaco, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Hapaco thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân sự,... từ đó làm giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà Hapaco phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, do diễn biến của dịch Covid – 19, Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái giảm lãi suất trên thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc giảm lãi suất sẽ hỗ trợ tích cực cho các hợp đồng vay với lãi suất thả nổi nhưng trái chiều với các hợp đồng vay với lãi suất cố định. Khi lãi suất giảm, các hợp đồng vay với lãi suất cố định sẽ không được hưởng lợi theo xu hướng giảm của lãi suất, hay nói cách khác chi phí vốn vay của Tập đoàn sẽ vẫn duy trì ở mức cao so với mặt bằng lãi suất trên thị trường. Việc chi phí vốn cao sẽ làm giảm kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tỷ giá

Hapaco có hoạt động xuất khẩu các sản phẩm giấy sang thị trường Đài Loan, Trung Quốc,... vì vậy, biến động tỷ giá cũng là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Hapaco.

Trong năm 2020, biến động kinh tế khó lường do dịch Covid-19 gây ra đã dẫn tới những biến động mạnh của các đồng tiền trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên biến động tỷ giá của VND so với USD khá ổn định trong cả năm 2020 tính đến quý III/2020. Sau đợt biến động tỷ giá mạnh trong 2 tuần cuối tháng 3/2020 do dịch Covid-19 bùng phát, tỷ giá đã quay trở lại ổn định với xu hướng giảm trong quý II/2020. Từ quý III/2020 đến tháng 5/2021, tỷ giá USD/VND giao động ổn định nhưng bắt đầu xu hướng giảm từ đầu tháng 6 đến tháng 8/2021, tính đến 10/08/2021, tỷ giá trung tâm USD/VND đang được xác định ở mức 23.178 VND/ 1 USD. Việc đồng ngoại tệ trở nên mất giá so với đồng nội tệ có thể sẽ làm giảm nhu cầu mua hàng hóa trong nước dẫn tới giảm sản lượng xuất khẩu hàng hóa của Tập đoàn.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của Hapaco khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Hapaco, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của Hapaco. Hiện tại, hoạt động của Hapaco chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường,... và các văn bản liên quan khác.

Là một Công ty đại chúng đã niêm yết chứng khoán, Hapaco sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của Hapaco.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Hapaco liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động của Hapaco, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, Hapaco đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro nguyên vật liệu

Với hoạt động sản xuất chủ yếu của Hapaco hiện nay là sản xuất giấy. Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất giấy của Hapaco chủ yếu là tre, nứa, luồng, vầu,... được cung ứng từ các

công ty, nhà máy ở các tỉnh phía Bắc, giá và sản lượng có thể thay đổi do những điều kiện khách quan và chủ quan. Thời gian qua Hapaco đã không ngừng phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo ổn định giá nguyên liệu đầu vào thông qua việc liên doanh, liên kết phát triển các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy thành phẩm tại các tỉnh Yên Bái, Hòa Bình, Hà Giang...

Rủi ro thị trường

Nước ta đã gia nhập tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và ký hiệp định EVFTA, CPTTP tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đòi hỏi ngành sản xuất giấy trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phải phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh, công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý khoa học sẽ là những đối thủ cạnh tranh khốc liệt đối với các doanh nghiệp trong nước.

Bảng 1: Giá trị tăng thêm ngành giấy và in ấn

Chỉ số sản xuất công nghiệp	T12/2020	T1/2021	T2/2021	T3/2021	T4/2021
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	1,20%	(0,2)%	(20,1)%	27,8%	4,3%
Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1,60%	0,6%	(19,2)%	24,9%	4,8%
In ấn	4,90%	(8,0)%	(39,4)%	35,6%	1,1%

Nguồn: Tổng cục Thống kê

4. Rủi ro về đợt chào bán

Trong đợt huy động vốn lần này, Công ty sẽ phát hành cho cổ đông hiện hữu. Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty, nhu cầu vốn của Hapaco trong đợt chào bán, diễn biến giao dịch cổ phiếu HAP, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền, HDQT của Công ty đề xuất và đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 85/2021/HAP-NQĐHĐCĐ ngày 16/08/2021, mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng với

mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (chiết khấu khoảng 16,23% so với giá trị sổ sách tại 31/12/2020). Đồng thời, HĐQT cũng đã thông qua phương án xử lý số cổ phiếu không phát hành hết là ủy quyền cho HĐQT chủ động phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện mức giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do đó, đợt chào bán có khả năng thành công. Tuy nhiên, trong trường hợp do một số nguyên nhân khách quan như: các yếu tố vĩ mô làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán, đợt phát hành không có bảo lãnh phát hành hay dịch bệnh tái bùng phát trên phạm vi toàn cầu,... dẫn đến đợt chào bán không đạt tỷ lệ thực hiện quyền như mong muốn và số tiền thu về không đạt được như dự kiến, Công ty sẽ bù đắp cho phương án sử dụng vốn bằng nguồn huy động khác thông qua các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Rủi ro pha loãng

Hiện nay, cổ phiếu HAP của Hapaco đã thực hiện niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là "HSX"). Từ ngày 17/06/2021, cổ phiếu HAP đã chuyển niêm yết sang Sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "HNX") thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 68/2021/NQ-HĐQT ngày 01/06/2021, theo đó cổ phiếu HAP sẽ tạm thời chuyển niêm yết từ HSX sang HNX. Đến ngày 06/09/2021, cổ phiếu HAP đã trở lại giao dịch tại sàn HSX theo Thông báo số 1541/TB-SGDHCM ngày 25/08/2021 của HSX về ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HSX của cổ phiếu chuyển giao dịch Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, có thể xuất hiện mức độ pha loãng, các nhà đầu tư nên lưu ý các rủi ro sau liên quan đến pha loãng cổ phiếu bao gồm: pha loãng về giá cổ phiếu; pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)

Rủi ro pha loãng về giá cổ phiếu:

Thông thường cổ phiếu Công ty cổ phần đã giao dịch tập trung hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật về giá, giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành theo công thức sau:

$$P = \frac{P_t - 1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P : là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_{t-1} là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng);

I : là tỷ lệ vốn tăng;

PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Do đó, cổ phiếu HAP khi giao dịch tại HSX sẽ bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Ngày T là ngày giao dịch không hưởng quyền của các cổ đông để thực hiện chốt danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán của cổ phiếu HAP (niêm yết tại HSX), giá định giá của cổ phiếu HAP tại ngày T-1 là 15.000 đồng/CP. Tỷ lệ vốn tăng theo phương án phát hành là $I = 1:1$ (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu HAP tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm), giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phiếu theo phương án phát hành là $PR = 10.000$ đồng/CP. Theo công thức nêu trên, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày T, sau khi bị pha loãng là:

$$P = (15.000 + 1:1 \times 10.000) / (1 + 1:1) \\ = 12.250 \text{ (đồng)}.$$

Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần:

Công thức tính EPS pha loãng dự kiến như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = E/Qbq$$

Trong đó:

EPS pha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu mỗi cổ phiếu phổ thông.

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

EPS năm 2020 theo BCTC kiểm toán hợp nhất của HAP là 728 đồng/cổ phiếu. Sau phát hành, chỉ số EPS của Công ty có thể giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành có thể chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Ví dụ: Giả định ngày hoàn tất đợt chào bán của HAP là 31/11/2021, số lượng cổ phiếu

lưu hành bình quân trong năm 2021 là:

$$Qbq = \frac{55.471.151 \times 11 + 110.942.302 \times 1}{12} = 60.093.747 \text{ CP}$$

Nếu giả định HAP đạt lợi nhuận sau thuế 40 tỷ đồng trong năm 2021, khi đó EPS năm 2021 trước và sau pha loãng như sau:

$$\text{EPS 2021} = \frac{40.000.000.000}{55.471.151} = 721 \text{ VND/CP}$$

$$\text{EPS 2021 pha loãng} = \frac{40.000.000.000}{60.093.747} = 666 \text{ VND/CP}$$

Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV_{\text{pha loãng}} = NVCSH/Qbq$$

Trong đó:

BV pha loãng: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ thuộc về cổ đông.

Qbq: Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

Sau đợt phát hành, Giá trị sổ sách pha loãng trên mỗi cổ phiếu của Công ty có thể biến động phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành.

Giả định HAP hoàn thành đợt chào bán tại 30/11/2021, như đã tính ở phần pha loãng TPS nêu trên, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2021 là $Qbq_{2021} = 60.093.747$ cổ phiếu. Giá định Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 là 1.256.047.029.241 đồng (giả định phát sinh thêm trong năm gồm 554.711.510.000 đồng từ tăng vốn và 40 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế).

STT	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	661.335.519.241	1.256.047.029.241
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 31/12 (cổ phiếu)	55.471.151	110.942.302

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	55.471.151	60.093.747
4	Giá trị sổ sách bình quân (đồng) (4) = (1)/(3)	11.922	20.901
5	Giá trị sổ sách tính tại ngày 31/12 (đồng) (5) = (1)/(2)	11.922	11.322

Trường hợp giá phát hành cao hơn giá giao dịch tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Trường hợp giá phát hành của cổ phiếu HAP cao hơn giá giao dịch trên sàn tại ngày giao dịch không hưởng quyền, theo quy chế giao dịch của HSX, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không điều chỉnh sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

6. Rủi ro quản trị

Rủi ro có thể xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém có thể ảnh hưởng tới sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp là rủi ro tiềm ẩn không chỉ của Công ty nói riêng mà các doanh nghiệp nói chung. Việc quản trị yếu kém có thể gây ra những hậu quả như: đầu tư thiếu hiệu quả, lãng phí vốn, chi phí vốn cao, mất cân đối tài chính, không có hoặc sai định hướng phát triển, sản phẩm dịch vụ chưa đáp ứng thị trường và những bất đồng nội bộ gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của cổ đông. Việc cán bộ công nhân viên, lãnh đạo cấp cao không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm cũng như vai trò được giao sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Nhằm hạn chế và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến quản trị, Công ty luôn chú trọng việc quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ngoài ra, trong những năm qua, hoạt động của Tập đoàn Hapaco tập trung vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy. Tuy nhiên, Tập đoàn đang hướng đến việc chuyển sang dịch vụ, thương mại, tài chính. Chính vì vậy quy mô hoạt động của Tập đoàn sẽ có sự thay đổi và lớn mạnh căn bản, điều này đặt ra những đòi hỏi về trình độ quản lý của ban lãnh đạo Tập đoàn phải đáp ứng kịp thời sự chuyển hướng của Tập đoàn, đây là một trong những thách thức của ban lãnh đạo Tập đoàn.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Hapaco có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh,... Nếu xảy ra, những rủi ro đó có thể sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản của Hapaco hoặc làm cho hoạt động kinh doanh của Hapaco bị ảnh hưởng.

[Đoạn này được để trống có chủ đích]

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTCHN	:	Báo cáo tài chính hợp nhất
BCH	:	Ban chấp hành
BKS	:	Ban kiểm soát
BVSC	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
CDL	:	Cổ đông lớn
CTCP	:	Công ty cổ phần
Công ty, HAP	:	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco
DNNN	:	Doanh nghiệp nhà nước
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCD	:	Đại hội đồng cổ đông
Tập đoàn, Hapaco	:	Tập đoàn Hapaco (bao gồm công ty mẹ và các công ty con)
HDQT	:	Hội đồng quản trị
HĐTV	:	Hội đồng thành viên
I.NST	:	Lợi nhuận sau thuế
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
Người có liên quan	:	Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, người có liên quan được định nghĩa như sau: Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công

	ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên; đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này; g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
GTGT	: Giá trị gia tăng
Thuế TNCN	: Thuế thu nhập cá nhân
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAT	: Thuế giá trị gia tăng
VND	: Việt Nam Đồng

[Đoạn này được để trống có chủ đích]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
Tên Công ty viết tắt	: TẬP ĐOÀN HAPACO
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài	: HAPACO GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17/06/1999 thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2021
Địa chỉ trụ sở chính	: Tầng 3 tòa nhà Green số 7 lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	: +84 (0225) 3 556 002
Số fax	: +84 (0225) 3 556 008
Website	: http://hapaco.vn
Vốn điều lệ	: 556.266.210.000
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất giấy, bột giấy, dịch vụ thương mại và Đầu tư tài chính
Người đại diện theo pháp luật	: Vũ Dương Hiền – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Mã cổ phiếu	: HAP
Sàn niêm yết	: HSX
Logo	:  HAPACO Group

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Tiền thân của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco là Xi nghiệp Giấy bia Đồng Tiến, được thành lập ngày 14/09/1960 từ cơ sở giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành DNNN, chuyên sản xuất các loại bia cát tông với các thiết bị cũ sản xuất trong nước, giải quyết một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân thành phố thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu giấy viết, giấy in tài liệu tăng cao, Xi nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng, cung cấp các loại giấy in, viết, đánh máy.

Tháng 12/1986, Xi nghiệp đổi tên thành Nhà máy Giấy Hải Phòng. Thời gian này, chất lượng các sản phẩm giấy của Nhà máy không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phúc, vì vậy lãnh đạo Nhà máy quyết định chọn phương thức sản xuất mới cho thị trường phía Bắc, cải tiến các thiết bị sản xuất giấy vệ sinh trên dây chuyền thiết bị cũ, tiết kiệm hàng tỷ đồng, bên cạnh đó, Xi nghiệp cũng đẩy mạnh xuất khẩu sang Liên Xô (cũ).

Năm 1991, Nhà máy đã nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu sang Đài Loan sản phẩm giấy để, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Việt Nam thời gian đó, nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của Nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Tháng 12/1992, Nhà máy đổi tên thành Công ty Giấy Hải Phòng – Hapaco. Từ đây, Công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng hàng năm 31%, đặc biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng là 200%. Hapaco trở thành Công ty đứng thứ 2 ở miền Bắc trong ngành Giấy.

Đầu năm 1998, Công ty Giấy Hải Phòng đã tách 3 phần xưởng sản xuất để thực hiện thí điểm cổ phần hóa đầu tiên ở miền Bắc thành lập Công ty cổ phần Hải Âu (HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên, UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hóa phần còn lại của Công ty. Ngày 28/10/1999, Công ty Giấy Hải Phòng chính thức hợp nhất vào Công ty cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng - Hapaco.

Tháng 8/2000, Công ty là một trong 03 Công ty cổ phần đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 7/4/2006, trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng thành Công ty cổ phần Hapaco.

Ngày 25/11/2006, Nhà máy giấy Kraft của Công ty đã khánh thành đưa vào sản xuất, đây là Nhà máy sản xuất giấy Kraft lớn nhất miền Bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm. Công trình được thành phố Hải Phòng lựa chọn đưa vào công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Công ty đã mua lại các nhà máy, các Công ty trong và ngoài ngành giấy nâng tổng số Công ty thành viên là 05 Công ty, đáp ứng yêu cầu ổn định nguồn nguyên liệu sản xuất và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó với điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi trong năm 2003-2007, Công ty đã thực hiện tham gia vào lĩnh vực tài chính chứng khoán như góp vốn thành lập Công ty Chứng khoán Hải Phòng, thành lập Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty TNHH đầu tư tài chính Hapaco đã đem lại lợi nhuận đáng kể.

Năm 2009, để đáp ứng quy mô phát triển về cả chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn với tên gọi Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (gọi tắt là Tập đoàn Hapaco) gồm 14 Công ty thành viên và 3 Công ty liên kết. Theo đó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ do từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn chịu trách nhiệm, Ban lãnh đạo Tập đoàn thực hiện vai trò giám sát điều tiết các nguồn lực cho sự phát triển của tất cả các thành viên.

Năm 2011, nhằm tập trung nguồn lực, phát triển thương hiệu, mở rộng sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư, Tập đoàn Hapaco đã tiến hành tái cấu trúc Tập đoàn, phát hành thêm cổ phiếu sáp nhập hai Công ty con là Hapaco Hải Âu và Hapaco Yên Sơn vào Tập đoàn Hapaco.

Năm 2012, nhằm đáp ứng nhu cầu giấy Tissue của thị trường, Tập đoàn đầu tư thêm 02 dây chuyền giấy vệ sinh tại Công ty H.P.P có đủ điều kiện cần thiết cho lắp đặt và đã đưa vào sản xuất.

Tháng 11/2012, Tập đoàn mua lại Xí nghiệp sản xuất giấy xuất khẩu của Công ty TNHH MTV Lâm trường Việt Hưng là doanh nghiệp nhà nước tại tỉnh Yên Bái để tăng sản lượng giấy xuất khẩu của Tập đoàn thêm 10%.

Tháng 10/2013, Tập đoàn mua lại Xí nghiệp giấy thuộc Lâm trường Lục Yên hiện nay là Xí nghiệp giấy An Lạc thuộc Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn.

Ngày 10/10/2014, Tập đoàn đưa dự án Bệnh viện Quốc tế Green vào hoạt động đúng tiến độ với tổng vốn đầu tư 447 tỷ đồng là công trình chào mừng 85 năm thành lập Công đoàn Việt Nam.

Năm 2015, Tập đoàn cải tiến dây chuyền sản xuất giấy Kraft của Công ty TNHH Hapaco H.P.P, sản xuất được sản phẩm mới, chất lượng thay thế hàng nhập khẩu, tiêu thụ tốt, bước đầu đã có hiệu quả, tiến tới ổn định, phát triển và mở rộng. Trong năm, Tập đoàn cũng thay đổi cơ chế quản lý thu mua nguyên liệu và quy trình sản xuất tại Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của Công ty, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Năm 2016, phát huy những tiến bộ đạt được năm 2015, sản lượng giấy Kraft của Công ty TNHH Hapaco H.P.P tăng trưởng 218% so với cùng kỳ với chất lượng cao và ổn định. Về lĩnh vực sản xuất giấy để và gia công giấy xuất khẩu, Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn giữ vững được chất lượng sản phẩm, uy tín cao với khách hàng nước ngoài; Công ty Cổ phần Hải Hà cải tiến cơ chế thu mua nguyên liệu và quy trình sản xuất tăng được sản lượng giấy và hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng 138% so với cùng kỳ. Về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Bệnh viện Quốc tế Green đã được Sở Y tế thẩm định cấp phép hoạt động bổ sung 02 chuyên khoa Nội tổng hợp - Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ và ký kết hợp đồng khám chữa bệnh BHYT với BHXH thành phố, tăng trưởng số lượng số lượt khám bệnh 184% và tăng trưởng tỷ lệ sử dụng giường bệnh 154% so với cùng kỳ.

Năm 2017: Nhờ sở hữu kỹ thuật, công nghệ đặc biệt sản xuất giấy Kraft chất lượng cao và có thị trường rộng lớn trong nước, trong năm 2017 Tập đoàn Hapaco đã đầu tư thiết bị, mở rộng sản xuất nâng công suất giấy Kraft lên 2.500 tấn/tháng. Bước tiến này đang tạo đột biến về doanh thu và lợi nhuận ròng cho Tập đoàn trong năm 2020.

Lĩnh vực sản xuất giấy để xuất khẩu sang thị trường Đài Loan của Tập đoàn vẫn giữ vững và củng cố thị phần, bước đầu đã mở rộng sang thị trường Trung Quốc.

Về chiến lược dài hạn, Tập đoàn đang nghiên cứu thị trường song song với việc xúc tiến đầu tư dự án sản xuất giấy từ bột đá, đây là công nghệ mới thân thiện với môi trường, đón đầu chính sách bảo vệ môi trường của Chính phủ.

Năm 2018: Là năm bùng nổ nhu cầu giấy xuất khẩu, Tập đoàn giữ vững được ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tích lũy và đem lại lợi ích cho cổ đông.

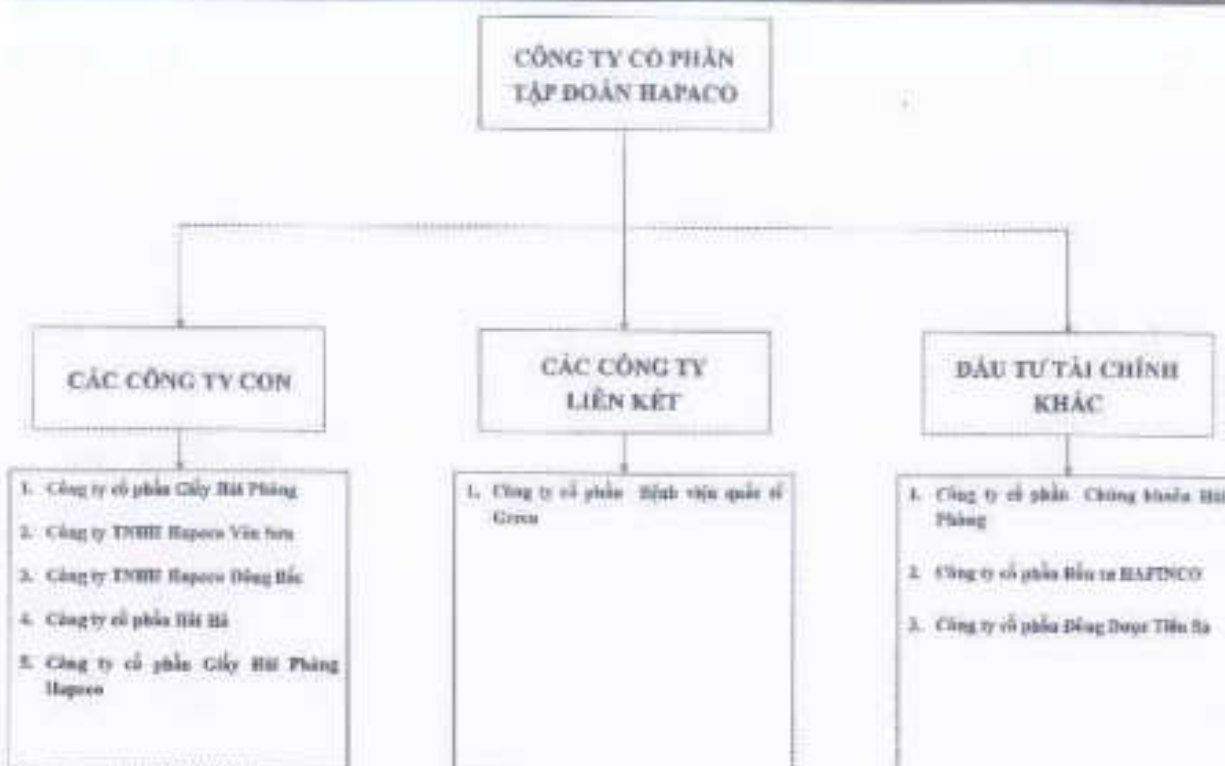
Năm 2019: Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trao đổi trực tuyến; Quản trị nhân sự; Kiểm soát các hoạt động kinh tế trong Tập đoàn theo các quy định về quản trị Công ty;

Năm 2020: Tập đoàn thoái vốn tại Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng, đồng thời xúc tiến công tác chuẩn bị đầu tư 06 dự án trong nhiệm kì 2021-2026 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua:

- Dự án Phát triển nhà máy điện gió công suất 100MW tại tỉnh Gia Lai.
- Đầu tư vào Công ty chế biến cá phê tại tỉnh Sơn La, công suất 15.000 tấn/năm
- Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Việt Hàn công suất 600 giường bệnh tại Khu đô thị Bắc Sông Cẩm, Hải Phòng.
- Xây dựng trung tâm chăm sóc người cao tuổi công suất 200 giường tại Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Xây dựng khu nhà ở xã hội trên diện tích 1,7ha tại địa điểm 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng và Toà nhà Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cho thuê 22 tầng trên diện tích 1,2ha tại số 9 đường Cầu Bính, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Dự án nhà máy Giấy Kraft giai đoạn II – nâng công suất lên 50.000 tấn/năm.

3. Cơ cấu tổ chức của Hapaco

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Hapaco



Nguồn: Hapaco

Chú thích

- Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết được trình bày tại bảng 2 mục IV.5.2 của Bản cáo bạch;
- Thông tin về các Công ty đầu tư tài chính khác:

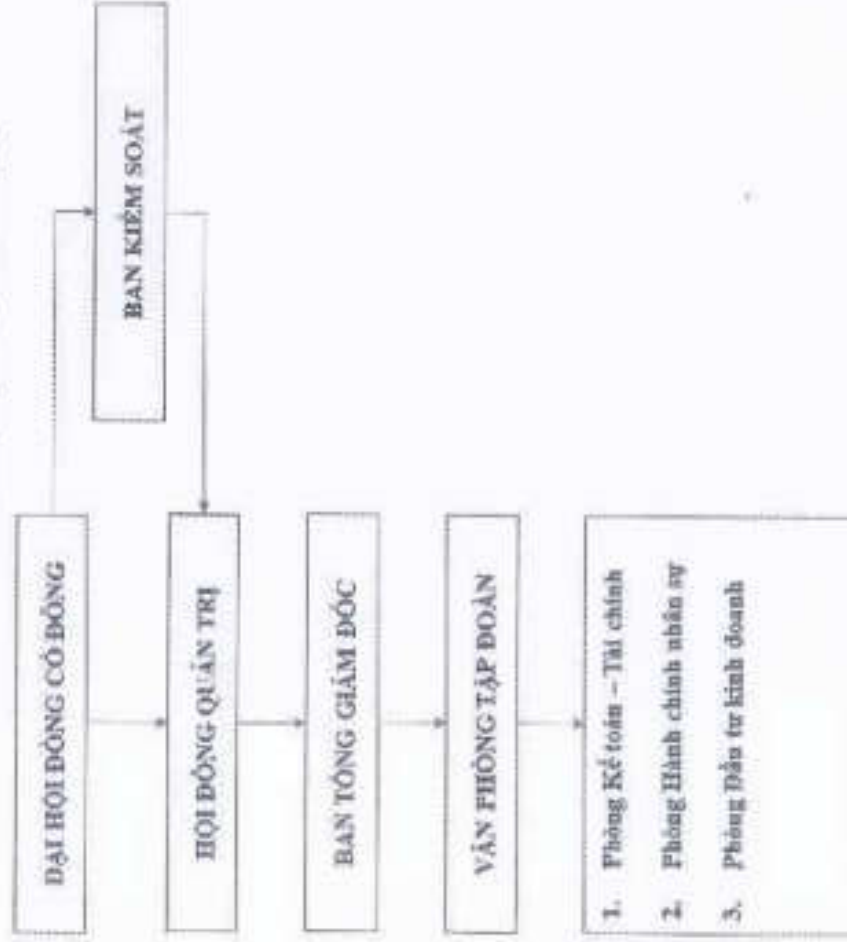
STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chú thích
1	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	05/09/2003	119/GP-THCK	Số 24 Cô Chính Lan, phường Minh Khai Quận Hồng Bàng TP Hải Phòng	Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán	6,64%	6,64%	Đầu tư tài chính khác

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chức thích
2	Công ty cổ phần Đầu tư Hufinco	15/10/2007	0200766056	Số 135 Điền Biên Phủ phường Mình Khất Quận Hồng Bàng TP Hải Phòng	Hoạt động tư vấn quản lý tài chính	15%	15%	Đầu tư tài chính khác
3	Công ty cổ phần Đông Dược Hòa Sơ	06/06/2006	0800338373	Số 13/90 Khu đô thị mới phía đông, phường Hải Tân TP Hải Đương, Tỉnh Hải Đương	Khám chữa bệnh da khóa bằng y học cổ truyền, Kinh doanh thuốc thành phẩm y học cổ truyền	20%	20%	Đầu tư tài chính khác

Nguồn: Hapaco

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Hapaco

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thông qua Báo cáo tài chính hằng năm, định hướng phát triển Công ty,...

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 07 người, nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty, quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quyết định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ khác của Hội đồng quản trị được quy định theo Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 người với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có nghĩa vụ giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ khác của Ban Kiểm soát được quy định theo Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.4. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần

việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định và Điều lệ của Công ty.

4.5. Các phòng ban Công ty

Các phòng ban trong Công ty có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban của Công ty có các nhiệm vụ như sau:

a. Phòng Kế toán – Tài chính

- Tổng hợp, báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, năm theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- Lập và cân đối kế hoạch tài chính năm nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư mới của Công ty;
- Thực hiện kiểm soát chi phí của Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp theo đúng chế độ quy định; Quản lý nợ công chặt chẽ;
- Phối hợp với các phòng ban tổng hợp kết quả kinh doanh, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó tham mưu cho Tổng Giám đốc về tình hình tài chính, các chiến lược về đầu tư tài chính;
- Phối hợp với cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính hằng năm;
- Đại diện Công ty thực hiện các hoạt động quan hệ với các cơ quan quản lý tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng, các tổ chức tài chính khác.

b. Phòng Hành chính nhân sự

- Hoạch định, đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các chiến lược, quy chế và nhu cầu hành chính, nhân sự và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của toàn Công ty;
- Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy chế, chính sách về hành chính, nhân sự đã được phê duyệt theo định hướng và văn hóa Công ty và phù hợp với chế độ hiện hành của Nhà nước;
- Tư vấn cho nhân viên Công ty về các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân viên;
- Xây dựng các chương trình đào tạo huấn luyện cho từng đối tượng nhân sự.

c. Phòng Đầu tư kinh doanh

- Theo dõi và đánh giá các cơ hội đầu tư trên thị trường tài chính;
- Thực hiện đầu tư kinh doanh tài chính trên thị trường từ nguồn vốn nhân rồi của Công ty để bảo toàn vốn và phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con và Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Bảng 2: Danh sách Công ty con, các Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm hiện tại

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chú thích
1	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng (*)	07/05/2002	0200462850	Số 441A đường Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%	Công ty con của HAP tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này
2	Công ty TNHH Hagam Yên Sơn	11/06/2001	5200189376	Thôn Nước Mối, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%	Công ty con của HAI* tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chú thích
				Nam				
3	Công ty cổ phần Hải Hà	18/10/2005	1005000021	Cụm công nghiệp Nam Quang, thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%	Công ty con của HAP tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này Công ty chưa đáp ứng điều kiện về số lượng cổ đông của Công ty cổ phần. Tính đến thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH theo Luật Doanh nghiệp.
4	Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc	03/07/2008	2503000270	Km18, quốc lộ 15A, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%	Công ty con của HAP tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chú thích
3	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	19/06/2008	0200822159	Thôn Tiễn Nông xã Hải Hà, huyện An Thượng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Nân giấy	99,89%	99,89%	Công ty con của HAP tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này
6	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	12/04/2000	0203000008	Số 135 Liên Hải phường Minh Khai Quận Hồng Bàng TP Hải Phòng	Dịch vụ nhà hàng ăn uống kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%	HAI ¹ đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại công ty con cơ theo Nghị Quyết HĐQT số 89/2020/NQ-HĐQT ngày 31/12/2020

Nguồn: Hapaco

(*) Liên quan đến CTCP Giấy Hải Phòng, ĐHĐCĐ đã thông qua việc góp bổ sung Vốn điều lệ và điều chỉnh đăng ký kinh doanh giảm vốn điều lệ theo mức vốn điều lệ thực góp mới trong tháng 07/2021. Về vấn đề này, CTCP Giấy Hải Phòng đã có báo cáo với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng đã có Biên bản vi phạm hành chính ngày 19/10/2021, Quyết định số 165/QĐ-KPITQ ngày 19/10/2021 yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác. CTCP Giấy Hải Phòng đã nghiêm túc chấp hành quy định và tiến hành đăng ký kinh doanh giảm vốn điều lệ về đúng mức vốn thực góp là 37,186 tỷ đồng, trong đó Vốn điều lệ thực góp của HAP tại Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng là 37,154 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ sở hữu là 99,91%. Ngày 21/10/2021, Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng đã được

Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8. Do HAP đã thực hiện góp vốn vào CTCP Giấy Hải Phòng với mức giá thấp hơn so với mệnh giá cổ phần nên dẫn tới sự khác biệt giữa Vốn điều lệ thực góp và Giá vốn đầu tư thực góp của HAP tại doanh nghiệp. Theo thông tin trên các BCTC đã công bố, Giá vốn đầu tư thực góp của HAP tại CTCP Giấy Hải Phòng là 41,628 tỷ đồng được ghi trên BCTC riêng kiểm toán 2019, 2020, BCTC riêng soát xét bán niên 2021 và BCTC riêng quý III/2021 của HAP.

Bảng 3: Danh sách Công ty liên kết của Tổ chức phát hành trong năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm hiện tại

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hạng mục kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại các Công ty	Chú thích
1	Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Green (*)	18/04/2014	0201450471	Số 738 Nguyễn Văn Linh Phường Nộm Nghĩa Quận Lê Chân - TP Hải Phòng	Dịch vụ y tế, khám chữa Bệnh	- Trực tiếp: 33,65% - Gián tiếp: 37,05%	- Trực tiếp: 33,65% - Gián tiếp: 37,05%	Công ty liên kết

Nguồn: Hapaco

(*) Vấn đề cần lưu ý liên quan đến Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (BVGreen)

Về tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen

Tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen theo các BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất của HAP cho năm tài chính 2019, 2020, BCTC soát xét riêng và hợp nhất bán niên 2021 đã công bố trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính là 46,82%. Do sai sót trong quá trình soạn thảo, số liệu nêu trên tại thuyết minh các Báo cáo tài chính là chưa chính xác. Về vấn đề này, HAP và Đơn vị kiểm toán đã báo cáo giải trình và UBCKNN đã có Văn bản số 7495/UBCK-GSĐC ngày 16/11/2021 nhắc nhở Công ty về sai sót trong việc trình bày số liệu trên BCTC, Hapaco

đã khắc phục sai sót nêu trên tại BCTC riêng và hợp nhất quý III/2021 đã công bố. Thông tin về vốn góp và tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen qua các thời điểm cụ thể như sau:

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Vốn HAP thực góp tại BVGreen	177.000.000.000 đồng	177.000.000.000 đồng
2	Vốn Điều lệ BVGreen theo đăng ký doanh nghiệp	526.000.000.000 đồng	526.000.000.000 đồng
3	Vốn Điều lệ thực góp tại BVGreen	229.173.888.345 đồng	319.245.388.345 đồng
4	Tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen theo Vốn Điều lệ đăng ký doanh nghiệp	33,65%	33,65%
5	Tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen thực tế tính theo vốn thực góp	77,23%	55,44%
6	Tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen theo thuyết minh trên BCTC đã công bố (tỷ lệ chưa chính xác)	46,82%	46,82%
7	Tỷ lệ sở hữu của HAP tại BVGreen đã áp dụng khi thực hiện kiểm toán BCTC (tỷ lệ chính xác)	77,23%	55,44%

Do sơ suất trong quá trình đánh máy và rà soát, trên BCTC 2019,2020, soát xét 2021 của HAP, thuyết minh phần trăm tỷ lệ sở hữu chưa chính xác. Tuy nhiên việc tính toán, xác định số liệu hợp nhất đã theo đúng tỷ lệ thực tế khi thực hiện kiểm toán BCTC, do đó không ảnh hưởng đến số liệu khác tại các Báo cáo tài chính đã được công bố.

Về số Vốn điều lệ của BVGreen và tỷ lệ sở hữu hiện nay của Hapaco tại BVGreen

Số Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201450471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/04/2014 thay đổi lần thứ 1 ngày 16/11/2016 của CTCP Bệnh viện Quốc tế Green (Bệnh viện Green) là 526 tỷ đồng, số Vốn điều lệ trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Bệnh viện Green (Báo cáo kiểm toán số 0901.01/2020/BCTC-NVT2 ngày 16/04/2021 do Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện) và Chứng thư thẩm định giá số 15/2021/CT-TĐG/ADAC ngày 04/05/2021 do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon thực hiện, tại thời điểm 31/12/2020 là 319.245.388.345 đồng. Về vấn đề không nhất quán số Vốn điều lệ, Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể: Tại thời điểm được cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Bệnh viện Green đã đăng ký vốn điều lệ 526 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến 31/12/2020, các cổ đông Bệnh Viện Green mới thực góp được 319 tỷ đồng. Trong năm 2021, DHCĐ Bệnh viện Green năm 2021 đã thông qua việc góp đủ vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh, sau đó các cổ đông Bệnh viện Green đã hoàn tất việc góp bổ sung phần vốn còn thiếu. Tính đến thời điểm 05/05/2021, các cổ đông Bệnh viện Green đã góp đủ 526 tỷ đồng vốn điều lệ, trong đó cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/05/2021 như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	17.700.000	33,65%
2	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	1.790.000	3,40%
3	Ông Vũ Dương Hiền	24.810.000	47,17%
4	Ông Vũ Xuân Cường	3.400.000	6,46%
5	Ông Vũ Xuân Thịnh	2.000.000	3,80%
6	Ông Vũ Xuân Thủy	2.900.000	5,51%
Tổng		52.600.000	100%

Về vấn đề này, sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bệnh viện Green đã có văn bản số 52/2021/CV-Green ngày 13/10/2021 báo cáo với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Sau khi xem xét, xử lý, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng đã lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 19/10/2021 theo đó, Công ty đã chủ động báo cáo hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả, Công ty đã chấm dứt hành vi vi phạm, không áp dụng biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả.

Hiện nay Hapaco đang sở hữu tổng tỷ lệ 37,05% tại BVGreen, trong đó phần tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 33,65% và phần tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng là 3,40%.

Về việc hoàn trả phần vốn đã góp chờ chuyển nhượng của HAP tại BVGreen với giá trị 114.893.424.570 đồng

Theo Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét, Bệnh viện Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của HAP với số tiền 114.893.424.570 đồng. Đây là khoản hoàn trả phần vốn góp thừa của HAP tại Bệnh viện Green, cụ thể tổng giá trị phần vốn góp của

HAP tại Bệnh viện Green theo biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 giữa HAP, Công ty TNHH Hải Âu (nay là Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng) và Bệnh viện Green; Quyết định số 09/QĐ-HAP-HDTV ngày 06/11/2016 của Hội đồng thành viên của Bệnh viện Green là 291.893.424.570 đồng bao gồm:

- + Giá trị bằng tiền và công nợ đã thanh toán hộ cho Bệnh Viện Green là 41.336.754.566 đồng;
- + Giá trị tài sản công trình trên đất là 176.056.670.004 đồng;
- + Giá trị khoản đầu tư bằng quyền sử dụng đất tại số 738 đường Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là 74.500.000.000 đồng.

Căn cứ theo Quyết định số 06/QĐ-HAP-HDQT ngày 03/11/2016 của Hội đồng quản trị HAP, tổng số 291.893.424.570 đồng bao gồm: 177.000.000.000 đồng được sử dụng để góp vốn vào Bệnh viện Green và phần còn lại 114.893.424.570 đồng là giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh viện quốc tế Green để Tập đoàn Hapaco chờ chuyển nhượng.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty kể từ khi thành lập đã trải qua các đợt tăng vốn như sau:

Bảng 4: Thông tin các đợt tăng vốn

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thời gian tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến kiểm toán
1	2000	-	10.080.000.000	Cổ phần hóa	Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng	Không
2	2002	10.000.000.000	20.080.000.000	Phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
3	2004-2005	12.423.510.000	32.502.510.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
4	2006	6.000.000.000	38.502.510.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
5	2006	21.500.000.000	60.002.510.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
6	2007	87.792.210.000	147.794.720.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán	Không

STT	Thời gian tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến kiểm toán
7	2009	21.923.690.000	169.718.410.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán	Không
8	2009	16.798.370.000	186.516.780.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
9	2011	18.476.160.000	204.992.940.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
10	2011	24.386.630.000	229.379.570.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán	Không
11	2011	14.982.720.000	244.362.290.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
12	2012	36.390.320.000	280.752.610.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
13	2013-2014	41.848.610.000	322.601.220.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán	Không
14	2015	192.601.140.000	515.202.360.000	Chào bán chào cổ đông hiện hữu và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán	Không
15	2016	41.063.850.000	556.266.210.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán	Không

Nguồn: Hapaco

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 2 năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 16/07/2021

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	7.158	53.774.794	96,67%
	Trong đó:			
	- Tổ chức:	57	455.526	0,82%
	- Cá nhân:	7.101	53.319.268	95,85%
II	Cổ đông nước ngoài	475	1.696.244	3,05%
	Trong đó:			
	- Tổ chức:	16	575.706	1,03%
	- Cá nhân:	459	1.120.538	2,01%
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	3	113	0,0002%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	155.470	0,28%
	Tổng cộng	7.636	55.626.621	100,00%

Nguồn: Hapaco

8.2. Cổ phiếu ưu đãi và các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận tại Công văn số 2884/UBCK -PTTT ngày 15/06/2021, tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của pháp luật của HAP hiện nay là 49%.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của HAP tại ngày 27/12/2021 là 3,09%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư tài chính và sản xuất giấy, trong đó hoạt động đầu tư tài chính nằm ở công ty mẹ và hoạt động sản xuất giấy thuộc hoạt động của các Công ty con bao gồm: CTCP Giấy Hải Phòng, CTCP Giấy Hải Phòng Hapaco, Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn, CTCP Hải Hà và Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc. Các sản phẩm giấy như: Giấy để, Giấy Kraft, Giấy Tissue, Giấy vàng mã là các sản phẩm giấy truyền thống và thế mạnh trong định hướng phát triển của Hapaco.

> Đối với hoạt động đầu tư tài chính

Quy trình đầu tư tài chính

Hoạt động theo mô hình Tập đoàn trong đó hoạt động đầu tư tài chính nằm ở Công ty mẹ (HAP). Công ty sẽ quản lý phần vốn đầu tư tại các công ty con và tham gia quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty con. Bên cạnh đó, công ty cũng triển khai các hoạt động đầu tư tài chính như đầu tư trái phiếu, cho vay, kinh doanh chứng khoán,... bên cạnh nguồn thu từ cổ tức của các Công ty con.

Công nghệ áp dụng

Công ty không áp dụng công nghệ đối với hoạt động đầu tư tài chính.

Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động đầu tư tài chính không có tính thời vụ, Công ty hoạt động đầu tư tài chính xuyên suốt cả năm.

> Đối với hoạt động sản xuất giấy

Quy trình sản xuất bột giấy

Quy trình sản xuất chung các sản phẩm giấy gồm:

- + Công đoạn xử lý nguyên liệu thô: bằng phương pháp kiềm. Tre, luồng được máy cắt thành mảnh nhỏ từ 10 – 35 mm, được phun trực tiếp vào các bể ngâm;
- + Công đoạn nghiền bột giấy: được chia thành 3 giai đoạn; nghiền thô – nghiền đảo khuấy – nghiền tinh. Mỗi giai đoạn được sàng lọc theo từng cấp độ của mắt sàng để đảm bảo cho bột khi đã chuyển đến bể chứa phải đạt độ SR quy định và sạch;
- + Công đoạn xeo sấy: máy xeo bột là máy lưới tròn, khi tằm bột được định hình trên lô lưới, chân xeo sẽ đưa băng tằm bột qua hệ thống máy sấy. Máy sấy có 7 tầng băng bột liên tục đi từ trên xuống tầng cuối cùng, lúc này đã được sấy khô 100%.

Công nghệ áp dụng

Dây chuyền thiết bị sản xuất giấy vệ sinh của Hapaco có công suất 6.000 tấn/năm, xuất xứ từ Trung Quốc và Đài Loan, được lắp đặt từ năm 2002 vẫn đang vận hành tốt do thường xuyên được bảo dưỡng, cải tạo. Đồng thời, Công ty cũng đã lập dự án đầu tư tiếp cho năm tới, nâng công suất lên 16.000 tấn/năm. Giấy vệ sinh được sản xuất trên dây chuyền thiết bị công nghệ cao, không dùng những hoá chất độc hại, gây ô nhiễm môi trường về nguồn nước hoặc các chất thải công nghiệp khác.

Các dây chuyền thiết bị sản xuất giấy để xuất khẩu được nhập khẩu từ Đài Loan, thiết bị đồng bộ chuyên dùng sản xuất giấy để và bột giấy xuất khẩu sản phẩm đạt 100%, công suất 35.000 tấn/năm.

Dây chuyền sản xuất giấy tráng phấn, Kraft làm bao bì công nghiệp do Trung Quốc chế tạo công suất 22.000 tấn/năm.

Máy móc thiết bị một phần đã cũ và lạc hậu, một phần mới được đầu tư cải tạo nâng cấp, nguồn gốc xuất xứ từ Đài Loan - Trung Quốc và thuê ngoài gia công chế tạo.

Tính thời vụ của hoạt động sản xuất giấy

Hoạt động sản xuất giấy của Hapaco không có tính thời vụ rõ ràng. Tập đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh xuyên suốt cả năm.

❖ Sản lượng sản phẩm – giá trị dịch vụ

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Hapaco

STT	Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9T/2021	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
A	CÔNG TY MẸ	37.641.707.719	100,00	27.229.823.327	100,00	32.449.575.355	100,00
I	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	70.000.000	0,19	-	-	-	-
II	Doanh thu hoạt động tài chính	37.571.707.719	98,81	27.229.823.327	100,00	32.449.575.355	100,00
B	HỢP NHẤT	379.904.822.963	100,00	376.563.827.348	100,00	364.628.370.534	100,00
I	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	376.994.584.010	99,40	334.507.492.025	88,90	351.651.108.441	96,44
II	Doanh thu thuần từ giấy	45.305.343.413	11,95	36.880.218.450	9,80	36.333.254.580	10,33

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9T/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
	đế						
2	Doanh thu thuần từ giấy Kraft	121.965.483.760	32,16	136.700.100.400	36,33	83.422.609.678	23,72
3	Doanh thu thuần từ giấy Tissue	26.736.364.050	7,05	21.515.179.569	5,72	12.167.450.010	3,46
4	Doanh thu thuần từ Giấy vàng mã xuất khẩu	182.137.375.419	48,02	138.752.186.424	36,88	219.727.794.173	62,48
5	Doanh thu thuần khác	850.217.368	0,22	659.407.182	0,18	-	-
II	Doanh thu hoạt động tài chính	2.263.936.535	0,60	41.764.870.675	11,10	12.977.362.093	3,56

Nguồn: Hapaco

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận của Hapaco

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9T/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
A	CÔNG TY MẸ	27.774.726.493	100,00	12.888.243.672	100,00	27.541.040.082	100,00
I	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-
II	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	27.774.726.493	100,00	12.888.243.672	100,00	27.541.040.082	100,00
B	HỢP NHẤT	64.797.847.832	100,00	81.060.712.097	100,00	68.870.147.082	100,00
I	Lợi nhuận gộp	65.075.637.115	100,43	41.249.983.018	50,89	58.756.450.219	85,31
1	Lợi nhuận gộp từ giấy đế	21.660.588.260	33,43	12.519.117.422	15,44	9.983.131.980	16,99
2	Lợi nhuận gộp từ giấy Kraft	17.810.931.122	27,49	12.091.050.678	14,92	14.916.719.562	25,39
3	Lợi nhuận gộp từ giấy Tissue	2.003.178.062	3,09	737.026.436	0,91	1.673.791.544	2,85
4	Lợi nhuận gộp từ giấy vàng mã xuất khẩu	23.193.877.174	35,79	15.976.161.425	19,71	32.182.807.103	54,77
5	Lợi nhuận (Lỗ) gộp khác	407.062.497	0,63	(73.372.943)	(0,09)	-	-
II	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động tài chính	(277.790.083)	(0,43)	39.810.720.079	49,11	10.113.696.863	14,69

Nguồn: Hapaco

10.2. Tài sản

Bảng 8: Tài sản lớn thuộc sở hữu của Hapaco tính đến 30/09/2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG HAPACO				
1	Nhà bột xeo, nhà kho thành phẩm	26.856.984.135	25.412.674.539	1.444.309.596
2	Khung nhà thép xưởng giấy mỏng	4.172.727.272	2.503.636.344	1.669.090.928
3	Nhà xưởng sản xuất giấy để	2.535.534.124	1.204.378.707	1.331.155.417
4	Công trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải	7.071.189.091	1.407.901.633	5.663.287.458
5	Đường nội bộ nhà máy do GM làm	3.567.642.727	744.910.581	2.822.732.146
6	Dây chuyền sản xuất	84.941.190.900	80.694.131.355	4.247.059.545
CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN				
1	Văn phòng Công ty	2.008.710.726	1.121.830.469	886.880.257
2	Xí Nghiệp Giấy Trần Yên	12.882.721.269	11.230.987.465	1.651.733.804
3	Xí nghiệp Giấy Xuất Khẩu	2.607.810.336	664.428.470	1.943.381.866
4	Xí nghiệp Giấy An Lạc	6.908.477.470	6.219.002.430	689.475.040
5	Xí nghiệp Giấy Âu Lâu	8.289.740.481	7.335.428.327	954.312.154
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG				
1	Nhà cửa vật kiến trúc	9.528.011.689	9.313.048.783	214.962.906
2	Máy móc thiết bị sản xuất	9.019.775.277	7.744.063.354	1.275.711.923
CÔNG TY TNHH MTV HAPACO ĐÔNG BẮC				
1	Xưởng giấy	16.140.317.881	15.705.611.101	434.706.780
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI HÀ				
1	Nhà xưởng, dây chuyền sản xuất	4.405.840.488	2.423.212.272	1.982.628.216

Nguồn: Hapaco

10.3. Thị trường hoạt động

Bên cạnh hoạt động cung cấp hàng hóa dịch vụ trong nước, Hapaco hướng sản phẩm tới các thị trường quốc tế bao gồm Đài Loan, Trung Quốc. Với chất lượng, uy tín của các sản phẩm thuộc thương hiệu của Tập đoàn, doanh thu và lợi nhuận xuất khẩu hàng hóa luôn chiếm một tỷ trọng nhất định trong cơ cấu doanh thu lợi nhuận của Tập đoàn.

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu lợi nhuận theo từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
1	Doanh thu thuần	376.994.584.010	334.507.492.025	351.651.108.441
1.1	Doanh thu thuần trong nước	194.857.208.591	195.755.305.601	131.923.314.268
1.2	Doanh thu thuần xuất khẩu	182.137.375.419	138.752.186.424	219.727.794.173
2	Lợi nhuận gộp	65.075.637.115	41.249.983.018	58.756.450.219
2.1	Lợi nhuận gộp trong nước	41.881.759.941	25.273.821.593	26.573.643.116
2.2	Lợi nhuận gộp xuất khẩu	23.193.877.174	15.976.161.425	32.182.807.103

Nguồn: Hapaco

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh giấy. Do đặc thù của ngành hoạt động, Tập đoàn không có phương án đầu tư mới những năm qua, chủ yếu là duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy truyền thống mang thương hiệu của HAP như: Giấy để, Giấy Kraft và Giấy Tissue.

Bảng 10: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	Các chỉ tiêu	DVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2020/Thực hiện 2019	Thực hiện 2020/Kế hoạch 2020
1	Sản lượng sản xuất						
1.1	Giấy để	Tấn	21.651	22.732	15.138	70%	67%

1.2	Giấy Kraft	Tấn	12.834	14.117	13.817	108%	98%
1.3	Giấy Tissue	Tấn	2.922	3.214	2.063	71%	64%
1.4	Xuất Khẩu	Conts	1.140	1.197	825	72%	69%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.994	493.000	334.507	89%	68%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.509	29.800	35.742	140%	120%

Nguồn: Hapaco

Nhìn chung hoạt động kinh doanh sản xuất giấy của Tập đoàn trong năm 2020 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của rủi ro hệ thống của nền kinh tế, bên cạnh đó ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu chính (tre, nứa, luồng, vầu) cung ứng cho hoạt động sản xuất giấy để và gia công giấy xuất khẩu không ổn định, ngày càng cạn kiệt, thiếu, nhờ, cạnh tranh gay gắt, đẩy giá thu mua lên cao, làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả sản xuất của Tập đoàn. Kết quả hoạt động năm 2020, các sản phẩm từ giấy đều không đạt được so với kế hoạch đã đề ra ban đầu, cụ thể: Sản lượng sản xuất giấy để đạt 67% so với kế hoạch năm và giảm 30% so với thực hiện năm 2019; Sản lượng sản xuất giấy Kraft đạt 98% so với kế hoạch năm tăng 8% so với thực hiện năm 2019; Sản lượng sản xuất giấy Tissue đạt 64% so với kế hoạch năm giảm 29% so với thực hiện năm 2019. Đồng thời, Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cũng làm cho hoạt động xuất khẩu giấy của Tập đoàn cũng bị ảnh hưởng. Sản lượng giấy xuất khẩu năm 2020 đạt 69% so với kế hoạch năm đề ra và giảm 28% so với thực hiện năm 2019. Từ đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt 68% so với kế hoạch và giảm 11% so với năm 2019.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh giấy, hiệu quả hoạt động suy giảm nhưng Tập đoàn vẫn đạt được lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch nhờ vào doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh trong năm 2020 (từ 2,3 tỷ vào năm 2019 tăng lên thành 41,8 tỷ trong năm 2020) chủ yếu đến từ lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 120% so với kế hoạch đề ra, tăng 40% so với thực hiện năm 2019.

10.5. Các hợp đồng lớn

Công ty mẹ của Tập đoàn (Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý vốn tại các đơn vị thành viên. Do vậy Công ty mẹ không có hợp đồng phát sinh với khách hàng, nhà cung cấp bên ngoài, các hợp đồng lớn của Hapaco liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy, chủ yếu đến từ hoạt động của các công ty con thuộc sở hữu của Công ty.

Bảng 11: Thông tin một số hợp đồng đầu vào của Hapaco

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN							
1	Hợp đồng vận chuyển 04-2018/Y-S-ITTD	Năm 2019: 321.700.000 Năm 2020: 415.800.000	01/01/2018	2018-2020	Vận chuyển	CTCP vận tải Đại Tây Dương	Không có
2	Hợp đồng mua bán X1/05/2019/HDMB/VIDA	5.889.149.530	2019	2019	N/A	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch HĐQT
3	Hợp đồng nguyên tắc vận chuyển/ Số 03-2018/HĐ	Năm 2019: 5.598.100.000 Năm 2020: 4.428.993.185	01/01/2018	2018-2020	Vận chuyển	CTCP V.P	Không có
4	Hợp đồng nguyên tắc Số 01-2019/Y-S-VT	Năm 2019: 8.957.611.563 Năm 2020: 28.631.368.065	20/09/2019	2019-2020	Vận chuyển	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải Tân Tiến	Không có
5	Hợp đồng mua bán/ Số 04/2020/VT-Y-S	Năm 2019: 10.310.425.070 Năm 2020: 8.108.598.300	2020	2019-2020	Xử lý gỗ	Công ty TNHH Việt Thắng	Không có
6	Hợp đồng mua bán/ Số 09/2020/VT-Y-S		2019	2019-2020	Xử lý gỗ	Công ty TNHH	Không có

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
						Việt Thắng	
7	Hợp đồng nguyên tắc / Số 100-2020/HĐNT/HP-YS	Năm 2020: 1.518.045.760	29/12/2020	2020-2021	Xút lông	Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG							
1	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HĐKT-MB/2019	47.529.538.000	01/01/2019	31/12/2019	Giấy để cuộn lỗ	Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc	Công ty con của HAP
2	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/2019/ĐMB/HP-HH	22.926.251.000	01/01/2019	31/12/2019	Giấy để cuộn lỗ	CTCP Hải Hà	Công ty con của HAP
2	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HĐKT-MB/2020	23.518.139.300	01/01/2020	31/12/2020	Giấy để cuộn lỗ	Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc	Công ty con của HAP
3	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/2020/ĐMB/HP-HH	13.471.066.200	01/01/2020	31/12/2020	Giấy để cuộn lỗ	CTCP Hải Hà	Công ty con của HAP
5	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HĐKT-MB/2021	9.840.547.800	01/01/2021	10/5/2021	Giấy để cuộn lỗ	Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc	Công ty con của HAP
6	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/2021/ĐMB/HP-HH	5.459.750.100	01/01/2021	31/12/2021	Giấy để cuộn lỗ	CTCP Hải Hà	Công ty con của HAP

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG HAPACO							
1	05012020/HAPACO-VH	4.597.906.500	02/01/2020	Năm 2020	Tinh bột sắn	Công ty TNHH Vũ Hương Hà Nội	Không có
2	18122020/HDKT/HAPACO	1.952.500.000	18/12/2020	Năm 2021	Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động	Công ty cổ phần Vites	Không có
3	0207/2019-HDXD	3.325.874.907	02/07/2019	Năm 2019 - 2020	Sửa chữa đường nội bộ	Công ty cổ phần Xây dựng GM	Không có
4	07/DK-HPC/2020	10.538.901.376	31/12/2019	Năm 2020	Than cám	Công ty cổ phần Xây dựng Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Đăng Khoa	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI HÀ							
1	XU01/2019/HDMB/VIDA-HH	4.694.116.680	25/12/2018	Năm 2019	NaOH (xút)	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch HĐQT
2	028-HDNT/TP-HH	3.213.239.150	01/12/2019	Năm 2020	NaOH (xút)	Công ty TNHH Hóa chất Thành	Không có

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
						Phát	
CÔNG TY TNHH MTV HAPACO ĐÔNG BẮC							
1	05/VT-HPCĐB	Năm 2020: 2.738.504.000 Năm 2021: 991.734.000	30/12/2020	Năm 2020+2021	Cung cấp Xút	Công ty TNHH Việt Thắng	Không có
2	01/2021/VCDC-DB	Năm 2020: 1.666.840.000 Năm 2021: 293.527.000	01/01/2021	Năm 2020+2021	Cung cấp Xút	Công ty cổ phần thương mại đầu tư Văn long CDC	Không có

Nguồn: Hapaco

Bảng 12: Thông tin một số hợp đồng đầu ra của Hapaco

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN							
1	Hợp đồng gia công 08/2018/HDKT	Năm 2019: 4.770.000 USD ~ 110.774.632.433 VND Năm 2020: 3.377.700 USD ~ 78.580.949.500 VND	01/01/2018	2018-2022	Bán giấy để VM	Ông Chuán Kunc An	Không có
2	Hợp đồng gia công 88/2017/HDKT	Năm 2019: 115.400 USD ~ 2.679.956.516 VND	16/11/2017	2017-2021	Bán giấy để	Ông Chen Lai Chuan	Không có

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
		Quý 1/2021: 14.633.639.350 VND			Kraft	Việt	
2	62/2021/AHP-HAPACO	Năm 2020: 6.365.066.400 VND Quý 1/2021: 1.146.953.720 VND	14/01/2021	2021	Bán giấy Kraft	CTCP Giấy An Hòa	Không có
3	04/2020/HĐMB/GHP-THT	Năm 2020: 11.055.237.215 Quý 1/2021: 2.663.656.490	03/01/2020	2020	Bán giấy Kraft	Công ty TNHH Thiên Tâm Paper Core	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI HÀ							
1	19/2019/HĐMB/HP-HH	25.218.876.100 VND	01/01/2019	Năm 2019	Bán giấy để	CTCP giấy Hải Phòng	Công ty con của HAP
2	03/2020/HĐMB/HP-HH	14.818.172.820 VND	01/01/2020	Năm 2020	Bán giấy để	CTCP giấy Hải Phòng	Công ty con của HAP
3	08/2020/HĐMB/HH-VIDA	4.728.977.220 VND	01/03/2020	Năm 2020	Bán giấy để	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch HĐQT
CÔNG TY TNHH MTV HAPACO ĐÔNG BẮC							
1	12 / HDKT-MB/2020	Năm 2020: 870.072.000 VND Năm 2021: 739.207.000 VND	20/11/2020	Năm 2020+2021	Bán giấy để	Công ty TNHH Thương mại THF	Không có
2	05 / HDKT-MB/2021	Năm 2020: 979.079.000 VND Năm 2021: 109.641.000 VND	07/01/2021	Năm 2020+2021	Bán giấy để	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Thương	Không có

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của đối tác tham gia với HAP (công ty mẹ) và các Công ty con
						mọi HTG	

Nguồn: Hapaco

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng lớn, nhà cung cấp lớn ký kết các hợp đồng lớn với Hapaco liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy, chủ yếu đến từ hoạt động của các công ty con thuộc sở hữu của Công ty.

Bảng 13: Thông tin các khách hàng lớn

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCH
CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN					
1	Ông Chuan Kuoc An	Năm 2019: 4.770.000 USD ~ 110.774.632.433 VND Năm 2020: 3.377.700 USD ~ 78.580.949.500 VND	2018-2022	Bán giấy để VM	Không có
2	Ông Chen Lai Chuan	Năm 2019: 115.400 USD ~ 2.679.956.516 VND Năm 2020: 166.700 USD ~ 3.878.214.253 VND	2017-2021	Bán giấy để VM	Không có
3	Ông Herbal	Năm 2019: 224.000 USD ~ 5.201.995.318 VND Năm 2020: 192.000 USD ~ 4.466.899.457 VND	2017-2021	Bán giấy để VM	Không có
4	Ông Tseng Hsin Kuo	Năm 2019: 133.600 USD ~ 3.102.618.636 VND	2019-2023	Bán giấy để VM	Không có
5	Trung Việt	Năm 2019: 1.200.700 USD ~ 27.884.088.294 VND Năm 2020: 1.299.400 USD ~ 30.230.063.588 VND	N/A	Bán giấy để VM	Không có
6	Ông Su Ma Chi	Năm 2019: 2.023.500 USD ~	N/A	Bán giấy để VM	Không có

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
		46.992.131.809 VND Năm 2020: 529.600 USD - 12.320.949.420 VND			
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG					
1	Công ty Hou Yow – Đài Loan	108.310.140.553 VND	31/12/2019	Bán giấy Vàng mã XK	Không có
2	Công ty Hou Yow – Đài Loan	85.769.868.924 VND	31/12/2020	Bán giấy Vàng mã XK	Không có
3	Công ty Hou Yow – Đài Loan	28.989.357.050 VND	10/5/2021	Bán giấy Vàng mã XK	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG HAPACO					
1	CTCP Công Nghệ Tri Việt	Năm 2020: 32.405.525.570 VND Quý 1/2021: 14.633.639.350 VND	2021	Bán giấy Kraft	Không có
2	CTCP Giấy An Hòa	Năm 2020: 6.365.066.400 VND Quý 1/2021: 1.146.953.720 VND	2021	Bán giấy Kraft	Không có
3	Công ty TNHH Thuận Tân Paper Core	Năm 2020: 11.055.237.215 VND Quý 1/2021: 2.663.656.490 VND	2020	Bán giấy Kraft	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI HÀ					
1	CTCP giấy Hải Phòng	25.218.876.100 VND	Năm 2019	Bán giấy để	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
2	CTCP giấy Hải Phòng	14.818.172.820 VND	Năm 2020	Bán giấy để	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
3	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	4.728.977.220 VND	Năm 2020	Bán giấy để	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch HĐQT
CÔNG TY TNHH MTV HAPACO ĐÔNG BẮC					
1	Công ty TNHH Thương mại THF	Năm 2020: 870.072.000 VND Năm 2021: 739.207.000 VND	Năm 2020+2021	Bán giấy để	Không có
2	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Thương mại HTG	Năm 2020: 979.079.000 VND Năm 2021: 109.641.000 VND	Năm 2020+2021	Bán giấy để	Không có

Nguồn: Hapaco

Bảng 14: Thông tin các nhà cung cấp lớn

STT	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (Đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
-----	------------------	--------------------------	---------------------	-------------------	--

STT	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (Đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN					
1	CTCP vận tải Đại Tây Dương	Năm 2019: 521.700.000 Năm 2020: 415.800.000	2018-2020	Vận chuyển	Không có
2	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	5.889.149.530	2019	N/A	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên
3	CTCP V.P	Năm 2019: 5.598.100.000 Năm 2020: 4.428.993.185	2018-2020	Vận chuyển	Không có
4	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải Tấn Tiến	Năm 2019: 8.957.611.563 Năm 2020: 28.621.368.065	2019-2020	Vận chuyển	Không có
5	Công ty TNHH Việt Thắng	Năm 2019: 10.310.425.070	2019-2020	Xút lông	Không có
6	Công ty TNHH Việt Thắng	Năm 2020: 8.108.598.300	2019-2020	Xút lông	Không có
7	Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng	Năm 2020: 1.518.045.760	2020-2021	Xút lông	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG					
1	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	47.529.538.000	31/12/2019	Giấy để cuộn lỗ	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
2	CTCP Hải Hà	22.926.251.000	31/12/2019	Giấy để cuộn lỗ	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
2	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	23.518.139.300	31/12/2020	Giấy để cuộn lỗ	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
3	CTCP Hải Hà	13.471.066.200	31/12/2020	Giấy để cuộn lỗ	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
5	Công ty TNHH MTV	9.840.547.800	10/5/2021	Giấy để cuộn	Công ty con

STT	Tên Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (Đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
	Hapaco Đồng Bắc			lô	của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
6	CTCP Hải Hà	5.459.750.100	31/12/2021	Giấy để cuộn lô	Công ty con của HAP thuộc tập đoàn Hapaco
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI PHÒNG HAPACO					
1	Công ty TNHH Vũ Hương Hà Nội	4.597.906.500	Năm 2020	Tinh bột sắn	Không có
2	Công ty cổ phần Vites	1.952.500.000	Năm 2021	Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động	Không có
3	Công ty cổ phần Xây dựng GM	3.325.874.907	Năm 2019 – 2020	Sửa chữa đường nội bộ	Không có
4	Công ty cổ phần Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Đăng Khoa	10.538.901.376	Năm 2020	Than cám	Không có
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI HÀ					
1	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	4.694.116.680	Năm 2019	NaOH (xút)	Ông Vũ Đương Hiến là Chủ tịch Hội đồng thành viên
2	Công ty TNHH Hóa chất Thành Phát	3.213.239.150	Năm 2020	NaOH (xút)	Không có
CÔNG TY TNHH MTV HAPACO ĐỒNG BẮC					
1	Công ty TNHH Việt Thắng	Năm 2020: 2.738.504.000 Năm 2021: 991.734.000	Năm 2020+2021	Cung cấp Xút	Không có
2	Công ty cổ phần thương mại đầu tư Văn long CDC	Năm 2020: 1.666.840.000 Năm 2021: 293.527.000	Năm 2020+2021	Cung cấp Xút	Không có

Nguồn: Hapaco

10.7. Vị thế của Tập đoàn trong ngành

Vị thế của Tập đoàn Hapaco trong ngành giấy

Mặc dù không phải là một trong những ngành công nghiệp trọng yếu, nắm giữ vị trí then chốt của nền kinh tế, song các sản phẩm đại diện của ngành giấy như: Bột giấy, giấy in, giấy viết, giấy Tissue, giấy để xuất khẩu,... lại là những sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống của mỗi người dân và nắm giữ vị thế quan trọng lớn nhất trong ngành công nghiệp giấy Việt Nam. Những năm gần đây, ngành công nghiệp giấy tại Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ thông qua việc các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về sản phẩm thân thiện với môi trường. Ngành đã tạo việc làm cho nhiều lao động, đồng hành phụ trợ cho nhiều ngành sản xuất và cộng hưởng để phát triển các ngành kinh tế khác. Đối với xã hội, ngành giấy hiện đang cung cấp nhiều sản phẩm với mục đích đa dạng: Hoạt động văn hoá xã hội, hoạt động giáo dục hay hoạt động sản xuất, nghiên cứu và cung cấp nhiều sản phẩm cho người tiêu dùng.

Bảng 15: So sánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn với các Công ty đại chúng cùng ngành giấy năm 2020

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Vốn điều lệ (Đồng)	Doanh thu thuần (Đồng)	Lợi nhuận sau thuế (Đồng)	ROA (%)	ROE (%)
Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	CAP	52.360.230.000	375.710.311.234	30.116.336.512	27,51%	37,18%
Công ty cổ phần Giấy Việt Trì	GVT	116.051.000.000	1.361.978.438.178	143.406.733.542	21,18%	60,33%
Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	HHP	180.000.000.000	479.528.118.744	22.910.603.498	5,20%	10,36%
Bình quân		116.137.076.667	739.072.289.385	65.477.891.184	17,96%	35,96%
Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	HAP	556.266.210.000	334.507.492.025	34.066.269.391	4,21%	4,84%

Nguồn: BCTC và các thông tin được công khai của các Doanh nghiệp

Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, Hapaco đã không ngừng cải tiến kỹ thuật công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Với chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, trong đó tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thống, Hapaco đã thực hiện sản xuất kinh doanh trong các năm qua và phát triển các sản phẩm thay thế hoặc những sản phẩm mà Tập đoàn có lợi thế. Công ty đã và đang từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh, tạo khả năng phát triển bền vững, đảm bảo cho sự phát triển lấy ngành sản xuất giấy làm trọng tâm để mở rộng phát triển ra các ngành lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới.

Các thông tin phân tích cụ thể liên quan đến vị thế trong ngành hoạt động của HAP, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của HAP trong ngành: Không có thông tin cụ thể.

Triển vọng phát triển ngành giấy

Ngành công nghiệp giấy nước ta hiện được đánh giá là ngành có nhiều cơ hội và còn nhiều dư địa để phát triển. Các kết quả khảo sát cho thấy, hiện tiêu thụ giấy bình quân của Việt Nam rất thấp, mới đạt 50,7kg/người/năm so với mức tiêu thụ bình quân của thế giới là 70kg/người/năm, Thái Lan 76 kg/người/năm, Mỹ và EU 200 - 250 kg/người/năm... do vậy, nhu cầu tiêu thụ giấy các loại của Việt Nam còn khá lớn.

Bên cạnh đó, việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt như: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) dự kiến sẽ mang lại cơ hội xuất khẩu lớn cho ngành giấy và bao bì của Việt Nam. Ngoài ra, xu thế dịch chuyển dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã và đang diễn ra do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và đặc biệt là sự ảnh hưởng từ dịch Covid-19, Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng từ Trung Quốc và một số quốc gia khác. Việc phát triển mới và đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất hàng hóa tại Việt Nam sẽ thúc đẩy tăng trưởng về tiêu dùng cho ngành giấy. Việc thúc đẩy đầu tư công và giải ngân vốn cũng như các chính sách kích thích tiêu dùng nội địa của Chính phủ sẽ kéo theo tăng trưởng tiêu dùng giấy bao bì, giấy in, viết và giấy Tissue. Đây cũng là một lợi thế lớn đối với sự phát triển của ngành công nghiệp giấy thời gian tới.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tập đoàn với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong giai đoạn 2021 – 2026, Tập đoàn Hapaco tăng công suất nhà máy Kraft lên 50.000 tấn/năm thông qua việc đầu tư dự án nhà máy Kraft giai đoạn II, từ đó nâng nguồn cung giấy của Hapaco nói riêng và thị trường nói chung. Với mức tiêu thụ giấy bình quân/năm của Việt Nam chưa cao và xu hướng hội nhập kinh tế thế giới, việc đón đầu nhu cầu về giấy trong tương lai là một bước đi chiến lược của Hapaco.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tập đoàn Hapaco:

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đã đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư;
- Về thị trường: Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như giấy nội địa và xuất khẩu, kinh doanh thương mại, dịch vụ của bệnh viện. Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp miễn là có việc làm, có doanh thu và có lợi nhuận;
- Về sản phẩm: Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của Hapaco, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, tăng giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng cao;
- Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về công tác quản lý tài chính, phát huy dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn: Bảo lãnh, tín chấp, thế chấp tài sản, trái phiếu doanh nghiệp...; Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư, phối hợp đồng bộ trong công tác sản xuất, xuất hàng, giao hàng, thu tiền hàng, chuyển tiền nhằm tăng vòng quay đồng vốn giảm thiểu vốn vay các tổ chức tín dụng để tăng lợi nhuận cho Tập đoàn.
- Về quan hệ khách hàng: Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, củng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện tốt các thỏa thuận giữa khách hàng

với Tập đoàn. Tối ưu hóa các lợi thế về thương hiệu, trình độ điều hành quản lý, nhà xưởng máy móc thiết bị, nguồn nhân lực có tay nghề cao và tiềm lực tài chính hiện có vào quá trình chào hàng. Nắm bắt xử lý linh hoạt kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến công tác chào hàng đảm bảo lấy được nhiều đơn hàng về cho Tập đoàn.

- Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án; thực hiện tốt công tác tuyển dụng đào tạo, bố trí sử dụng và đãi ngộ đối với từng chức danh, vị trí, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và lao động giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với Tập đoàn. Thực hiện nghiêm túc việc khoán sản phẩm tới ca sản xuất nhằm tối đa khả năng sáng tạo trong lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên, kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Với triển vọng phát triển ngành giấy trong nước và thế giới nói chung, Hapaco cho thấy đang có những bước đi đúng đắn và phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của Nhà nước, Chính phủ và xu hướng chung của thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Các sản phẩm của Hapaco thực hiện giao hàng ngay tại xưởng sản xuất không thông qua đại lý, tạo điều kiện cho khách hàng có thể kiểm tra chất lượng hàng tại chỗ, tránh được thiệt hại khi vận chuyển. Hapaco đã có những chính sách duy trì khách hàng truyền thống, mặt hàng giấy để đáp ứng được khách hàng Đài Loan nhập khẩu thường xuyên trong nhiều năm qua. Ngoài ra, Hapaco còn có chính sách khai thác lượng khách hàng mới để mở rộng thị trường.

Hapaco triển khai các phương pháp bán hàng phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng, mở rộng mạng lưới bán hàng bằng các đại lý đặt ở các quận nội thành Hải Phòng và các tỉnh, thành lớn. Ngoài ra, Hapaco tổ chức công tác tiếp thị đưa đến các điểm tiêu thụ để giới thiệu sản phẩm và khai thác lượng khách hàng tiềm năng.

Bên cạnh đó, Hapaco còn tham gia vào các hội trợ, hội thảo để quảng bá hình ảnh, giới thiệu các sản phẩm của Tập đoàn, quảng bá và giới thiệu cơ hội đầu tư vào các dự án của Tập đoàn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu Hapaco đã được Công ty đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục sở hữu Công nghiệp Việt Nam và Hội mã số mã vạch, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 861 do Cục sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.

10.10. Chính sách nghiên cứu, phát triển

✦ Năm 2019-2020

Trong năm 2019-2020, Tập đoàn đã lần lượt khảo sát, thuê tư vấn, xúc tiến đầu tư, lập hồ sơ và các thủ tục pháp lý có liên quan trình các Sở, Ngành và UBND thành phố Hải Phòng, các Sở, Ngành và UBND các tỉnh và các Bộ, Ngành liên quan, xin chủ trương đầu tư các dự án mới (để chuyển đổi và dần thay thế một số bộ phận, ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiện tại hiệu quả thấp), như Dự án Nhà máy chế biến cá phê Hapaco Sơn La, Dự án xây dựng Nhà máy điện gió Hapaco Gia Lai, Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Green Việt Hàn, Dự án xây dựng Nhà ở thương mại tại 441A đường Tôn Đức Thắng,...

✦ Trong năm 2021

Trong năm 2021, Tập đoàn ưu tiên tập trung nguồn lực cho các công ty, đơn vị thành viên đang hoạt động trong khối sản xuất công nghiệp hiện tại (giấy đế, vàng mã xuất khẩu, giấy Kraft, giấy Tissue) đáp ứng đầy đủ nguyên liệu và các yếu tố đầu vào, tháo gỡ khó khăn kịp thời, bảo đảm cho sản xuất ổn định, thông suốt, liên tục, không gián đoạn, để gia tăng năng suất, nâng cao chất lượng và ổn định chất lượng, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng cạnh tranh, giữ vững thị trường, tăng hiệu quả. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chủ động:

- Điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp, sát với thực tế biến động của thị trường.
- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất, để phân tích đánh giá khách quan về năng lực, lợi thế, những khó khăn, bất cập, hạn chế để đạt hiệu quả kinh tế của các đơn vị sản xuất công nghiệp, để kiện toàn và tái cấu trúc lại theo hướng hiệu quả hơn.
- Đẩy nhanh việc xúc tiến triển khai các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên, để sớm động thổ, xây dựng, góp phần nâng cao năng lực, sớm tạo ra chuỗi giá trị mới và lợi ích lớn cho Tập đoàn và cổ đông.

Đánh giá ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu phát triển tới tình hình hoạt động kinh doanh của HAP

Hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, hướng Tập đoàn đến những dự án hiệu quả cao để thay thế những ngành nghề kinh doanh hiệu quả thấp sẽ tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và kết quả kinh doanh cho Tập đoàn trong tương lai.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2021-2026, Tập đoàn dự kiến sẽ mở rộng lĩnh vực đầu tư bên cạnh mảng đầu tư cốt lõi là sản xuất giấy, theo đó, Tập đoàn dự kiến sẽ đầu tư 06 dự án mới bao gồm:

- Dự án Phát triển nhà máy điện gió công suất 100MW tại tỉnh Gia Lai
- Đầu tư vào Công ty chế biến cá phê tại tỉnh Sơn La, công suất 15.000 tấn/năm
- Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Việt Hàn công suất 600 giường bệnh tại Khu đô thị Bắc Sông Cẩm, Hải Phòng
- Xây dựng trung tâm chăm sóc người cao tuổi công suất 200 giường tại Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Xây dựng khu nhà ở xã hội trên diện tích 1,7ha tại địa điểm 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng và Toà nhà Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cho thuê 22 tầng trên diện tích 1,2ha tại số 9 đường Cầu Bính, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Dự án Nhà máy Giấy Kraft giai đoạn II – nâng công suất lên 50.000 tấn/năm

a. Dự án Phát triển nhà máy điện gió Gia Lai

- Mục tiêu: Tỉnh Gia Lai có tiềm năng gió khá tốt, với vận tốc gió nhiều nơi đạt 6-8 m/s tại độ cao 100m, đồng thời có lợi thế về giao thông thuận tiện, khối lượng đầu nối lưới điện ít, cách xa khu dân cư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng nhiều thuận lợi, có tiềm năng lớn để phát triển điện gió.

- Địa điểm: Các xã tại huyện Đăk Đoa – tỉnh Gia Lai
- Diện tích đất: 35 ha
- Công suất thiết kế: 100 MW
- Tổng mức đầu tư: 4.000 tỷ đồng
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn tự có 27,5%, Vốn vay 72,5%.
- Thời gian hoàn vốn: 7 năm
- Lợi nhuận trung bình 467 tỷ/năm (trong vòng 20 năm sau khi đi vào hoạt động).

b. Dự án Đầu tư vào công nghệ chế biến cà phê tại tỉnh Sơn La

- Mục tiêu: Chế biến các sản phẩm cà phê thóc đặc sản, phân hữu cơ vi sinh, cà phê nhân xuất khẩu, cà phê tiêu dùng.

- Địa điểm dự án: Phân xưởng chế biến cà phê nhân tại xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Phân xưởng chế biến sâu: tại TK 32, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Tổng vốn đầu tư: 125 tỷ đồng
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn tự có: 30%, vốn vay: 70%.
- Dự kiến hoàn vốn sau 3 năm đầu.

c. Dự án Bệnh viện đa khoa quốc tế Việt - Hàn

- Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu của người dân về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cả về số lượng và chất lượng. Góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của thành phố Hải Phòng, các tỉnh khu vực miền Duyên Hải Bắc bộ và đặc biệt là phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

- Quy mô dự án: Bệnh viện đạt chuẩn quốc tế với quy mô 600 giường bệnh

- Địa điểm: Khu xứ đồng Đầm Hàn, thôn Tây, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích sử dụng đất: 50.000 m²
- Tiến độ thực hiện dự án:

- + Giai đoạn 1: quy mô 200 giường bệnh
- + Giai đoạn 2: quy mô 400 giường bệnh
- Nguồn vốn dự kiến: 1.800 tỷ đồng (cho 2 giai đoạn)
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn tự có 30%, vốn vay 70%
- Thời gian thực hiện dự án: 50 – 70 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư

d. Dự án xây dựng trung tâm chăm sóc người cao tuổi

- Mục tiêu: Xây dựng trung tâm chăm sóc, nghỉ dưỡng hiện đại, có chế độ chăm sóc y tế tốt, có phòng sinh hoạt chung, văn nghệ cho người già để làm giàu đời sống tinh thần cho người cao tuổi.

- Quy mô dự án: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi đạt chuẩn quốc tế với quy mô 800 giường.

- Địa điểm: Khu xử đồng Bến Trang – Đồng Hàn, thôn 6, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích sử dụng đất: 168.000 m²
- Tiến độ giai đoạn 1: Đến năm 2025 đưa vào hoạt động với quy mô 300 giường
- Nguồn vốn dự kiến: 565.990 triệu đồng với quy mô 800 giường.
- Thời gian: 50-70 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư

e. Dự án khu nhà ở thương mại tại 441A Đường Tôn Đức Thắng

- Mục tiêu: Xây dựng khu nhà ở thương mại thực hiện theo chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ủy ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 quận Hồng Bàng và phần mở rộng.

- Địa điểm: 441A, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Phòng
- Diện tích sử dụng đất: 17.500 m²
- Quy mô dự án: 120 căn nhà liền kề và hệ thống hạ tầng đồng bộ kết nối
- Nguồn vốn dự kiến: 332 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự kiến: 2021 – 2022

f. Dự án đầu tư giai đoạn II, nhà máy Kraft – nâng công suất lên 50.000 tấn/năm

- Mục tiêu: Nâng công suất từ 24.000 tấn/năm lên thành 50.000 tấn/năm
- Tổng mức đầu tư: 250 tỷ đồng
- Xuất khẩu 52% công suất, tiêu thụ trong nước 48%

g. Dự án mua cổ phần của cổ đông hiện hữu và cổ phần phát hành thêm của Công ty cổ phần Bệnh viện Green

- Mục tiêu: Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Bệnh viện Green. Dự kiến sau thương vụ Công ty sẽ sở hữu 81,83% tại Công ty cổ phần Bệnh viện Green.
- Tổng mức đầu tư: 554 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện: Quý I/2022
- Thông tin về Công ty cổ phần Bệnh viện Green được trình bày tại mục VIII.2 của Bản cáo bạch này.

11. Chính sách đối với người lao động

Bảng 16: Cơ cấu lao động bình quân 2 năm 2019, 2020

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
CÔNG TY MẸ		
I. Phân theo trình độ lao động	15	100%
1. Trình độ đại học và trên đại học	14	93,3%
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	1	6,7%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	15	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	15	100%
TẬP ĐOÀN HAPACO		
I. Phân theo trình độ lao động	695	100%
1. Trình độ đại học và trên đại học	41	5,90%
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	44	6,33%
3. Sơ cấp và chứng chỉ nghề	54	7,77%
4. Lao động phổ thông	557	80,14%

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	695	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	471	67,77%
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng - 03 năm	95	13,67%
3. Lao động thử việc và thời vụ	129	18,56%

Nguồn: Hapaco

Bảng 17: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2021

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
CÔNG TY MẸ		
I. Phân theo trình độ lao động	14	100%
1. Trình độ đại học và trên đại học	13	93%
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	1	7%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	14	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	14	100%
TẬP ĐOÀN HAPACO		
I. Phân theo trình độ lao động	709	100%
1. Trình độ đại học và trên đại học	39	5,50%
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	42	5,92%
3. Sơ cấp và chứng chỉ nghề	36	5,08%
4. Lao động phổ thông	592	83,50%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	709	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	464	65,44%
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng - 03 năm	82	11,57%
3. Lao động thử việc và thời vụ	163	22,99%

Nguồn: Hapaco

Chính sách đào tạo: Hapaco có sự đầu tư nghiêm túc trong lĩnh vực đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên. Tập đoàn chủ động triển khai những khóa học đào tạo đội ngũ nhân viên trong cập nhật và tiếp cận các tri thức mới, kỹ năng làm việc và giải quyết vấn đề, phong cách làm việc chuyên nghiệp.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi: lao động trong Tập đoàn được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại Bệnh viện Quốc tế Green; được hưởng đầy đủ chế độ Lễ, Tết, Ngày nghỉ, phép năm theo quy định của Luật Lao động.

Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động: Không có.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty được Đại hội cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Nếu được Đại hội cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định trả cổ tức bằng cổ phần phổ thông thay cho tiền mặt.

Bảng 18: Tỷ lệ cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức	3% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2020	6% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 số 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2021
Hình thức thanh toán	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng tiền

Nguồn: Hapaco

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán nào trong năm 2019, 2020 và tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hội đồng quản trị HAP xin cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ phát hành chào bán thêm cổ phiếu năm 2021, Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 19: Tóm tắt hoạt động kinh doanh của Hapaco năm 2019, 2020 và 9T/2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	9T/2021
A	CÔNG TY MẸ				
1	Tổng giá trị tài sản	697.082.363.008	704.160.550.721	1,02%	715.663.134.135
2	Doanh thu thuần	70.000.000	-	(100,00)%	-
3	Doanh thu hoạt động tài chính	37.571.707.719	27.229.823.327	(27,53)%	32.449.575.355

4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.232.091.151	19.106.623.302	(53,66)%	27.729.388.927
5	Lợi nhuận khác	(321.693)	(1.724.697)	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	41.231.769.458	19.104.898.605	(53,66)%	27.729.388.927
7	Lợi nhuận sau thuế	40.292.132.003	18.813.872.714	(53,31)%	27.177.266.070
8	Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con	36.560.000.000	17.297.600.000	(52,69)%	29.599.203.600
B	HỢP NHẤT				
1	Tổng giá trị tài sản	811.892.159.329	808.116.351.096	(0,47)%	824.676.039.134
2	Doanh thu thuần	376.994.584.010	334.507.492.025	(11,27)%	351.651.108.441
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.576.676.917	48.806.813.067	83,65%	30.605.037.442
4	Lợi nhuận khác	(1.067.480.494)	(13.065.154.321)	-	7.013.731
5	Lợi nhuận trước thuế	25.509.196.423	35.741.658.746	40,11%	30.612.051.173
6	Lợi nhuận sau thuế	20.356.803.211	34.066.269.391	67,35%	24.178.089.368
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm cuối kỳ	35.832.418.805	64.187.695.211	79,13%	60.687.378.976
8	Tỷ lệ cổ tức	3%	6%	100,00%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	82,43%	84,55%	(2,50)%	-

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAP

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Thuận lợi

Tập đoàn luôn nhận được sự tin tưởng, cổ vũ, động viên khích lệ của cổ đông, các đơn vị trong ngành và sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các Bộ, Ngành, Trung ương và các Sở, Ban, Ngành của thành phố Hải Phòng và các tỉnh nơi có các công ty thành viên.

Các mối quan hệ lâu năm với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và các hiệp hội ngành nghề tiếp tục được gây dựng, củng cố và phát triển.

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên lao động có năng lực, kinh nghiệm, đoàn kết, gắn bó, mẫn cán, nhiệt tình trong mọi nhiệm vụ được giao.

b. Khó khăn

Nguồn nguyên liệu chính (tre, nứa, luồng, vầu) cung ứng cho hoạt động sản xuất giấy để và gia công giấy xuất khẩu không ổn định, ngày càng cạn kiệt, thiếu, nhờ, cạnh tranh gay gắt, đẩy giá thu mua lên cao, làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả sản xuất của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, thiếu nguyên liệu, không khai thác được hết công suất của máy, thiết bị và các dây chuyền sản xuất, dẫn đến sản lượng sụt giảm, công nhân lao động thiếu việc làm.

Thị trường cạnh tranh, biến động thất thường, bất lợi cả về giá và sản lượng tiêu thụ. Đối tác đặt nhiều đơn hàng xuất khẩu, khó, ghép, nhỏ lẻ, tính chất phức tạp, làm tăng chi phí nhân công gia công, tác động sụt giảm sản lượng, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, từ giữa quý III và quý IV/2020 chi phí cước vận tải biển xuất khẩu hàng hóa tăng đột biến (có những điểm cước tăng đến 400%), sản phẩm sản xuất ra không xuất khẩu được do không có vỏ container rỗng để đóng xếp hàng xuất khẩu, dẫn đến sản phẩm tồn kho, đọng vốn, nhiều thời điểm phải tạm ngừng sản xuất dài ngày, gây sụt giảm sản lượng nghiêm trọng, tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Hapaco bị sụt giảm sâu.

Thiếu lực lượng lao động, do biến động dịch chuyển đến các khu kinh tế, khu công nghiệp và các doanh nghiệp nước ngoài, gây không ít khó khăn trong việc thực hiện các đơn hàng xuất khẩu.

c. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Dịch bệnh Covid-19 luôn tiềm tàng những rủi ro có thể ảnh hưởng xấu tới hoạt động của Tập đoàn. Các chính sách về giãn cách xã hội, hạn chế xuất khẩu... có thể ảnh hưởng tới

sản lượng dầu ra của Tập đoàn. Bên cạnh đó, các chi phí tồn kho, chi phí vận chuyển, chi phí quản lý,... tăng cao sẽ làm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị sụt giảm sâu.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

➤ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh.

Hapaco sử dụng và quản lý vốn góp của chủ sở hữu và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ của Hapaco.

Bảng 20: Cơ cấu vốn kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
A. CÔNG TY MẸ			
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	659.262.991.827	661.335.519.241	688.512.785.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	556.266.210.000	556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	556.266.210.000	556.266.210.000	556.266.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	29.895.944.671	29.895.944.671	29.895.944.671
3. Cổ phiếu quỹ	(4.570.790.000)	(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	46.234.041.664	46.234.041.664	46.234.041.664
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.437.585.492	33.510.112.906	60.687.378.976
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	(8.8554.546.511)	14.696.240.192	33.510.112.906

- LNST chưa phân phối kỳ này	40.292.132.003	18.813.872.714	27.177.266.070
B. HỢP NHẤT			
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	688.993.101.786	717.593.247.050	741.645.336.418
1. Vốn góp của chủ sở hữu	556.266.210.000	556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	556.266.210.000	556.266.210.000	556.266.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	29.926.940.219	29.926.940.219	29.926.940.219
3. Cổ phiếu quỹ	(4.570.790.000)	(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	64.204.460.228	64.034.589.828	64.034.589.828
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	35.832.418.805	64.187.695.211	87.463.773.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	16.322.048.729	23.811.496.082	74.890.924.679
- LNST chưa phân phối kỳ này	19.510.370.076	40.376.199.129	12.572.848.474
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	7.333.862.534	7.748.601.792	8.524.613.218

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAP

Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 21: Thời gian khấu hao Tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc:	5-25
Máy móc, thiết bị:	5-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	6-10
Thiết bị dụng cụ quản lý:	3-5
Các tài sản khác:	3-20

Nguồn: Hapaco

Hapaco luôn thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

📌 **Mức lương bình quân:**

Bảng 22: Mức lương bình quân

Đơn vị tính: Đồng

Thời gian	Thu nhập bình quân của người lao động theo năm (VND/người/tháng)
Năm 2018	5.376.000
Năm 2019	5.376.000
Năm 2020	5.913.000

Nguồn: Hapaco

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trong giai đoạn từ 2018-2020. Mức lương bình quân của người lao động nằm ở mức cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác trong cùng ngành trong cùng địa bàn. Xét riêng năm 2020, thu nhập bình quân của 1 số công ty trong cùng ngành và cùng địa bàn với Công ty như sau:

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Thu nhập bình quân của người lao động theo năm (VND/người/tháng)
Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	HHIP	10.870.000 đồng
Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	CAP	7.500.000 đồng

Nguồn: Báo cáo thường niên của các doanh nghiệp

📌 **Tình hình công nợ:**

• **Các khoản phải thu**

Tổng số khoản phải thu của Công ty trong năm 2019 là 267.404.921.569 đồng, năm 2020 là 249.664.574.361 đồng và tại thời điểm 30/09/2021 là 283.431.401.192 đồng.

Tổng số khoản phải thu của Tập đoàn trong năm 2019 là 332.127.827.142 đồng, năm 2020 là 314.035.853.256 đồng và tại thời điểm 30/09/2021 là 376.344.922.214 đồng.

Chi tiết các khoản phải thu như sau:

Bảng 23: Các khoản phải thu tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
A	CÔNG TY MẸ			
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	194.454.921.569	189.412.174.361	225.179.001.192
1	Trả trước cho người bán ngắn hạn	98.350.000	80.750.000	136.712.500
2	Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.136.530.278	-	4.135.875.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	184.220.041.291	189.331.424.361	220.906.413.692
II.	Các khoản phải thu dài hạn	72.950.000.000	60.252.400.000	58.252.400.000
1	Phải thu về cho vay dài hạn	72.950.000.000	60.252.400.000	58.252.400.000
TỔNG CỘNG		267.404.921.569	249.664.574.361	283.431.401.192
B	HỢP NHẤT			
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	253.492.034.358	253.783.453.256	318.092.522.214
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	60.111.239.834	70.755.263.771	77.728.141.881
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.657.545.305	7.804.590.656	2.562.990.842

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	4.135.875.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	187.367.509.871	179.803.679.181	238.245.594.843
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.644.260.652)	(4.580.080.352)	(4.580.080.352)
II.	Các khoản phải thu dài hạn	78.635.792.784	60.252.400.000	58.252.400.000
1	Phải thu về cho vay dài hạn	78.350.000.000	60.252.400.000	58.252.400.000
2	Phải thu dài hạn khác	285.792.784	-	-
TỔNG CỘNG		332.127.827.142	314.035.853.256	376.344.922.214

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAPACO

Theo BCTC Hợp nhất quý III/2021, tại mục thuyết minh V.6 về các khoản phải thu ngắn hạn khác, HAPACO đang có khoản phải thu bên liên quan cụ thể là Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện, giá trị khoản phải thu tại thời điểm 30/09/2021 là 114.893.424.570 đồng

Tại thời điểm 30/09/2021, Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (Công ty con thuộc tập đoàn Hapaco) có các khoản phải thu quá hạn, cụ thể như sau:

- Giá trị khoản phải thu quá hạn: 4.648.258.942 VND
- Thời gian quá hạn: trên 03 năm
- Nguyên nhân phát sinh: Bên nợ bỏ kinh doanh hoặc thay đổi chủ sở hữu mới không chấp nhận thanh toán.
- Khả năng thu hồi: Giá trị có thể thu hồi được tính bằng giá gốc trừ đi giá trích lập dự phòng. Cụ thể:
 - + Giá trị khoản phải thu: 4.648.258.942 VND
 - + Giá trị trích lập dự phòng: 4.614.169.647 VND
 - + Giá trị có thể thu hồi được: 34.089.295 VND

Biện pháp xử lý: Công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 và đơn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

• **Các khoản phải trả**

Tổng số khoản phải trả của Công ty trong năm 2019 là 37.819.371.181 đồng, năm 2020 là 42.825.031.480 đồng và tại thời điểm 30/09/2021 là 27.150.348.824 đồng.

Tổng số khoản phải trả của Tập đoàn trong năm 2019 là 122.899.057.543 đồng, năm 2020 là 90.523.104.046 đồng và tại thời điểm 30/09/2021 là 83.030.702.716 đồng.

Chi tiết các khoản phải trả như sau:

Bảng 24: Các khoản phải trả tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
A	CÔNG TY MẸ			
I	Nợ ngắn hạn	37.819.371.181	42.825.031.480	27.150.348.824
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.888.258.688	1.888.258.688	1.888.258.688
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.139.713.708	23.037.124.644	20.089.909.177
3	Phải trả người lao động	306.034.915	313.974.357	358.523.964
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	162.309.661	164.778.873	72.828.960
5	Phải trả ngắn hạn khác	13.319.313.336	17.322.154.045	4.657.087.162
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.740.873	98.740.873	83.740.873
II	Nợ dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG		37.819.371.181	42.825.031.480	27.150.348.824
B	HỢP NHẤT			
I	Nợ ngắn hạn	122.318.381.873	90.508.104.046	83.015.702.716
1	Phải trả người bán ngắn hạn	26.997.777.120	16.709.084.975	15.338.091.234
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	38.010.856	10.981.280	79.158.350

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.799.601.307	26.050.361.553	32.403.315.775
4	Phải trả người lao động	4.735.185.168	4.880.591.132	5.672.991.403
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	6.401.228.113	4.857.478.002	4.504.220.160
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13.429.131	-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	14.525.001.962	13.998.543.127	3.584.053.274
8	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	42.579.086.030	23.719.101.791	21.190.810.334
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	229.062.186	282.062.186	243.062.186
11	Nợ dài hạn	580.675.670	15.000.000	15.000.000
1	Phải trả dài hạn khác	15.000.000	15.000.000	15.000.000
2	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	565.675.670	-	-
TỔNG CỘNG		122.899.057.543	90.523.104.046	83.030.702.716

Nguồn: HC/TC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; HC/TC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAP

• **Dư nợ vay**

Bảng 25: Số dư các khoản vay tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
CÔNG TY MẸ		-	-	-
1	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	-
2	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-
HỢP NHẤT		43.144.761.700	23.719.101.791	
1	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	-
2	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.350.000.000	2.000.000.000	-

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
2.1	Vay thành viên Ban lãnh đạo	2.350.000.000	2.000.000.000	-
3	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	39.229.086.366	21.719.101.791	21.190.810.334
3.1	Vay ngắn hạn ngân hàng	28.259.356.634	17.553.426.121	15.990.810.334
a	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái - Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	4.681.257.449	3.356.855.071	2.188.127.534
b	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	21.528.658.320	14.196.571.050	13.802.682.800
c	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	2.049.440.865	-	-
3.2	Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	3.600.000.000	5.200.000.000
3.3	Vay dài hạn đến hạn trả	969.729.732	565.675.670	-
a	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	969.729.732	565.675.670	-
4	Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	999.999.664	-	-
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
6	Vay dài hạn ngân hàng	565.675.670	-	-
6.1	- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng	565.675.670	-	-

Nguồn: DCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAP

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ hằng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 27: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
CÔNG TY MẸ		46.237.782.537	46.332.782.537	46.317.782.537
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.740.873	98.740.873	83.740.873
2	Quỹ đầu tư phát triển	46.234.041.664	46.234.041.664	46.234.041.664
HỢP NHẤT		64.433.522.414	64.316.652.014	64.227.652.014
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	229.062.186	282.062.186	243.062.186
2	Quỹ đầu tư phát triển	64.204.460.228	64.034.589.828	64.034.589.828

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2021 của HAP

➤ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Dịch bệnh Covid-19 luôn tiềm tàng những rủi ro có thể ảnh hưởng xấu tới hoạt động của Tập đoàn. Các chính sách về giãn cách xã hội, hạn chế xuất khẩu,... có thể ảnh hưởng tới sản lượng đầu ra của Tập đoàn. Bên cạnh đó, các chi phí tồn kho, chi phí vận chuyển, chi phí quản lý,... tăng cao sẽ làm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị sụt giảm sâu. Khi đó tình hình tài chính của công ty có thể bị ảnh hưởng do hoạt động kinh doanh chịu tác động tiêu cực. Tuy nhiên, những ảnh hưởng này đều đã nằm trong kế hoạch tài chính của Tập đoàn nên sẽ không ảnh hưởng đáng kể tới tình hình tài chính của Tập đoàn.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019, 2020

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
CÔNG TY MẸ			
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	5,92	5,92
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	5,92	5,92
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn			

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
hạn			
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,05	0,06
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,06
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,00	0,00
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,00	0,00
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	57.560,19	-
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,77	2,69
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,14	2,85
HỢP NHẤT			
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,44	3,46
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,58	3,89
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,15	0,11
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,18	0,13
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:	Lần	0,46	0,41

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
- Vòng quay vốn lưu động:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngân hàng bình quân	Lần	0,92	0,78
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Tăng tồn kho bình quân	Lần	3,25	3,13
4. Khả năng sinh lời (*)			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,05	0,12
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):	%	0,02	0,05
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,05	0,06
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND	354,84	727,88

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC riêng và hợp nhất 2019, 2020 đã kiểm toán của HAP

(*) Chỉ tiêu được tính toán dựa trên lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ và Vốn chủ sở hữu sau khi đã trừ đi lợi ích của cổ đông không kiểm soát

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Đối với BCTC riêng năm 2019

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 41.05/2019/NVT2-BCTC ngày 18/03/2020, Báo cáo tài chính riêng đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đối với BCTC hợp nhất năm 2019

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 4105.06/2019/NVT2-BCTC ngày 18/03/2020, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đối với BCTC riêng năm 2020

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 47.03/2020/BCTC-NVT2 ngày 29/03/2021, Báo cáo tài chính riêng đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đối với BCTC hợp nhất năm 2020

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 47.04/2020/BCTC-NVT2 ngày 29/03/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đối với BCTC riêng soát xét bán niên 2021

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 1006.01.01/2021/NVT2-BCTC ngày 10/08/2021, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì để cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng

giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đối với BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2021

Theo ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 1006.01.01/2021/NVT2-BCTC ngày 10/08/2021, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì để cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận Hợp nhất và cổ tức năm 2021 của Hapaco

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước (số kế hoạch 2021 tăng/giảm so với thực hiện 2020)
1	Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	470.000.000.000	41%
2	Lợi nhuận trước thuế	80.000.000.000	124%
3	Lợi nhuận sau thuế	64.000.000.000	88%
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	14%	34%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	12%	94%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước (số kế hoạch 2021 tăng/giảm so với thực hiện 2020)
6	Tỷ lệ cổ tức	8-10%	33-167%

Nguồn: Hapaco

(*) Tỷ lệ được tính toán sau khi đã loại đi lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận dự kiến đã được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2021.

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh giấy:

- Sản xuất giấy để xuất khẩu:

+ Tăng cường nguồn lực cho việc tổ chức thu mua, tập kết nguyên liệu, bảo đảm đáp ứng kịp thời, đủ nguyên liệu cho sản xuất; lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy, thiết bị, dây chuyền sản xuất, công trình, nhà xưởng, kho, bãi tập kết..., bảo đảm duy trì sản xuất thông suốt liên tục, không ách tắc gián đoạn;

+ Định kỳ hàng tháng tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm quản lý, công tác điều hành, kiểm tra, giám sát, cải tiến kỹ thuật, cải tiến máy, thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ, tiết giảm các định mức tiêu hao, tiết giảm chi phí... giữa các đơn vị sản xuất giấy để xuất khẩu trong Tập đoàn để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh và chiếm ưu thế trên thị trường.

- Sản xuất giấy Kraft và giấy Tissue:

+ Tổ chức mở rộng địa bàn và mạng lưới thu mua nguyên vật liệu đầu vào, đáp ứng đầy đủ kịp thời, bảo đảm cho sản xuất ổn định, liên tục;

+ Cải tiến công nghệ để tối ưu hóa sản xuất đa dạng các loại sản phẩm, gắn với nâng cao chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng;

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và đẩy mạnh công tác khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu, để tăng sức cạnh tranh, bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm sau sản xuất, không để tồn kho, đọng vốn, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào thực tế hệ thống máy, thiết bị và công suất các dây chuyền sản xuất hiện có, công tác khảo sát, nghiên cứu, dự báo thị trường, dự báo những thuận lợi, khó khăn. Tập đoàn xây dựng kế hoạch năm 2021, với các tiêu chí chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng sản phẩm	Tấn	37.870
	Giấy để	Tấn	20.000
	Trong đó xuất khẩu	Container	1.100
	Giấy Kraft	Tấn	15.000
	Giấy Tissue	Tấn	2.800
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	470.000
	Trong đó doanh thu xuất khẩu	USD	12.500.000
	Doanh thu dịch vụ tài chính thương mại	Triệu đồng	10.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.000

Nguồn: HAP

Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Hapaco

Dựa trên kết quả kinh doanh của Tập đoàn qua các năm 2019, 2020; căn cứ vào năng lực hoạt động của các đơn vị thành viên; cũng như tình hình kiểm soát dịch bệnh Covid – 19 tại Việt Nam trong năm 2021, trong điều kiện không có các yếu tố bất lợi rõ rệt, dịch bệnh được kiểm soát, chi phí logistic giảm, BVSC đánh giá kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn được xây dựng cho năm 2021 là có tính khả thi. Hiện nay, dịch bệnh Covid-19 đã và đang ảnh hưởng sâu rộng tới nền kinh tế. Các ảnh hưởng của dịch bệnh và tác động của các giải pháp vĩ mô, vĩ mô đưa ra để khắc phục là rất khó dự đoán do đó có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa

trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Không có.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 30: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% cổ phần tại thời điểm 16/07/2021

STT	Tên cổ đông	Ngày sinh	Quốc tịch	Số CMND	Địa chỉ
1	Vũ Dương Hiến	14/09/1942	Việt Nam	030664890	Số 1/274 Lạch Tray, Ngõ Quyền, Hải Phòng

Nguồn: Hapaco

Bảng 31: Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CDL) và người có liên quan

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 16/07/2021	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 16/07/2021	Dự kiến sau đợt chào bán
Vũ Dương Hiến	2.056.848 cổ phiếu (5,13%)	7.184.167 cổ phiếu (12,95%)	14.368.334 cổ phiếu (12,95%)	2.056.848 cổ phiếu (3,13%)	7.184.167 cổ phiếu (12,95%)	14.368.334 cổ phiếu (12,95%)
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiến - Ông Vũ Xuân Thủy	455.340 cổ phiếu (0,82%)	2.455.340 cổ phiếu (4,43%)	4.910.680 cổ phiếu (4,43%)	455.340 cổ phiếu (0,82%)	2.455.340 cổ phiếu (4,43%)	4.910.680 cổ phiếu (4,43%)

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 16/07/2021	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 16/07/2021	Dự kiến sau đợt chào bán
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiền - Con: Ông Vũ Xuân Cường	144.511 cổ phiếu (0,26%)	2.144.511 cổ phiếu (3,87%)	4.289.022 cổ phiếu (3,87%)	144.511 cổ phiếu (0,26%)	2.144.511 cổ phiếu (3,87%)	4.289.022 cổ phiếu (3,87%)
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiền - Con: Ông Vũ Xuân Thịnh	389.547 cổ phiếu (0,7%)	2.389.547 cổ phiếu (4,31%)	4.779.094 cổ phiếu (4,31%)	389.547 cổ phiếu (0,7%)	2.389.547 cổ phiếu (4,31%)	4.779.094 cổ phiếu (4,31%)
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiền - Con: Vũ Thị Thanh Chung	65.477 cổ phiếu (0,12%)	65.477 cổ phiếu (0,12%)	130.954 cổ phiếu (0,12%)	65.477 cổ phiếu (0,12%)	65.477 cổ phiếu (0,12%)	130.954 cổ phiếu (0,12%)
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiền - Con dâu: Trần Thị Thu Hằng	0 cổ phiếu (0%)	1.612 cổ phiếu (0,0029%)	3.234 cổ phiếu (0,0029%)	0 cổ phiếu (0%)	1.612 cổ phiếu (0,0029%)	3.234 cổ phiếu (0,0029%)
Người có liên quan của ông Vũ Dương Hiền - Con dâu: Trần Thị Văn Anh	0 cổ phiếu (0%)	39.396 cổ phần (0,0071%)	78.792 cổ phần (0,0071%)	0 cổ phiếu (0%)	39.396 cổ phần (0,0071%)	78.792 cổ phần (0,0071%)

Nguồn: Hapaco

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Tên Hợp đồng	Lợi ích giao dịch (đang thực hiện/dã ký kết/chưa thực hiện)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch HĐQT	Hợp đồng nguyên tắc số 10-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Hapac Đông Bắc	Hợp đồng nguyên tắc	2.381.506.710	Không có	Hội đồng thành viên
2	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch HĐQT	Hợp đồng nguyên tắc số 42-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và Công ty TNHH Hapac Yên Sơn	Hợp đồng nguyên tắc	3.935.592.760	Không có	Hội đồng thành viên
3	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch HĐQT	Hợp đồng nguyên tắc số 3-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và CTCP Hải Hà	Hợp đồng nguyên tắc	7.440.965.796	Không có	Hội đồng quản trị

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Ông Vũ Dương Hiền: Cổ đông đang nắm giữ 12,95% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổ chức phát hành.

- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

STT	Tên tổ doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ liên quan	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Fin Ins (Hoạt động không mang tính cạnh tranh với Tập đoàn Hapac)	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch HĐQT	Các Hợp đồng kinh tế giữa 2 bên phải được HĐQT, ĐDĐCĐ chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch với các bên liên quan

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Thành viên Hội đồng quản trị	
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Xuân Cường	Thành viên HĐQT
Ông Phí Trọng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Đức Hậu	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Đức Luyện	Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên Ban Kiểm soát	
Ông Phạm Đức Phiến	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Khoa Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Doãn Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Thủy Lan	Kế toán trưởng

Nguồn: Hapaco

Thành viên HĐQT:

Ông Vũ Dương Hiền – Chủ tịch HĐQT

Tên:	Ông Vũ Dương Hiền
Ngày sinh:	14/9/1942

Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Tiến sỹ	
Năng lực chuyên môn:	- Tiến sỹ Khoa học Kinh tế - Kỹ sư Kinh tế - Giáo viên - Cao cấp Chính trị - Học viện Chính trị quốc gia T.P Hồ Chí Minh	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1999 – 2010	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Từ năm 2010 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T10/2017 đến nay	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT
Từ T12/2016 đến nay	Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc	Chủ tịch Công ty
Từ T12/2016 đến nay	Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT
Từ T4/2014 đến nay	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Chủ tịch HĐQT
Từ T6/2008 đến nay	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Chủ tịch HĐQT
Từ T10/2007 đến nay	Công ty cổ phần Dầu tư Hapaco	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2006 đến nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2001 đến nay	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Chủ tịch Công ty
Từ năm 2006 đến năm 2016	Công ty cổ phần Đồng Dược Tiên Sa	Chủ tịch HĐQT

Từ năm 2003 đến năm 2006	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Phó Chủ tịch HĐQT			
Từ năm 1999 đến năm 2010	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng Ủy Công ty			
Từ năm 1982 đến năm 1999	Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến	Giám đốc			
Từ năm 1977 đến năm 1982	Ban khoa giáo Thành ủy Hải Phòng	Phó Bí thư Chi bộ, Chuyên viên chính			
Từ năm 1968 đến năm 1977	Xí nghiệp đồ dùng dạy học	Bí thư Đảng bộ			
Từ năm 1965 đến năm 1967	Trường cấp I, II xã Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Hiệu trưởng			
Từ năm 1965 đến năm 1966	Trường phổ thông cấp I,II xã Minh Tân	Hiệu trưởng			
Từ năm 1958 đến năm 1964	Trường phổ thông cấp I, II xã Minh Tân	Giáo viên			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu		
	Ông Vũ Dương Hiền	7.184.167 cổ phần	12,95%		
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0		
	Những người có liên quan	7.054.875 cổ phần	12,72%		
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại Tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Xuân Thủy	Con	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách	2.455.340 cổ phần	4,43

2	Vũ Xuân Cường	Con	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.144.511 cổ phần	3,87
3	Vũ Xuân Thịnh	Con	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.389.547 cổ phần	4,31
4	Vũ Thị Thanh Chung	Con	Không có	65.477 cổ phần	0,12
5	Trần Thị Thu Hằng	Con dâu	Không có	1.612 cổ phần	0,0029
6	Trần Thị Vân Anh	Con dâu	Không có	39.396 cổ phần	0,0071

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
1.027.807.000 đồng	985.087.000 đồng	816.826.000 đồng	4.094.975.190 đồng	2.047.487.595 đồng	255.160.000 đồng	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HDKT- MB/2019 ký ngày 01/01/2019, số 01/HDKT- MB/2020 ký ngày 01/01/2020 và số 01/HDKT- MB/2021 ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy III	Không

						Phòng (Ông Vũ Xuân Thịnh là Tổng Giám đốc – người có liên quan của ông Vũ Dương Hiến) và Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc. Hợp đồng mua bán giấy đề số: 01/2019/ĐMB/HIP-HH ký ngày 01/01/2019, số 01/2020/ĐMB/HIP-HH ký ngày 01/01/2020 và số 01/2021/ĐMB/HP-HH ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng và Công ty cổ phần Hải Hà. Hợp đồng nguyên tắc số 10-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Bắc. Hợp đồng nguyên tắc số 42-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn. Hợp đồng nguyên tắc số 3-2021/HĐ-NT giữa Công ty TNHH VIDA Hải Phòng và CTCP Hải	
--	--	--	--	--	--	---	--

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:	Không có

Ông Vũ Xuân Thủy – Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Tên:	Ông Vũ Xuân Thủy	
Ngày sinh:	15/12/1966	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Kỹ sư	
Năng lực chuyên môn:	Kỹ sư Cơ khí - Đại học Hàng hải (1989)	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/2007 – T8/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Từ T8/2018 – Từ T9/2021	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Từ T10/2021 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T3/1988 – T12/1989	Nhà máy Giấy Hải Phòng	Công nhân điện
Từ T1/1990 – T10/1999	Xương in 1 - Công ty Giấy Hải	Giám đốc

	Phòng				
Từ T11/1999 – T11/2001	Công ty Giấy Hải Phòng	Phó Chủ tịch HĐQT			
Từ T11/1999 – T11/2001	Xí nghiệp gia công số 1 – Công ty Giấy Hải Phòng	Giám đốc			
Từ T12/2001 – T6/2004	Ban dự án – Công ty Giấy Hải Phòng	Giám đốc			
Từ T12/2001 – T6/2004	Công ty Giấy Hải Phòng	Phó Chủ tịch HĐQT			
Từ T7/2004 – T11/2007	Công ty Giấy Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc			
Từ T7/2014 – nay	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Giám đốc			
Từ năm T3/2016 – nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Phó Chủ tịch HĐQT			
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu		
	Ông Vũ Xuân Thủy	2.455.340 cổ phiếu	4,43%		
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0		
	Những người có liên quan	11.799.334 cổ phần	21,27%		
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại Tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Dương Hiến	Bố	Chủ tịch HĐQT	7.184.167 cổ phần	12,95
2	Trần Thị Thu Hằng	Vợ	Không có	1.612 cổ phần	0,0029
3	Vũ Xuân Cường	Em	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.144.511 cổ phần	3,87
4	Vũ Xuân Thịnh	Em	Thành viên HĐQT,	2.389.547 cổ	4,31

			Phó Tổng Giám đốc	phần	
5	Vũ Thị Thanh Chung	Em	Không có	65,477 cổ phần	0,12
6	Vũ Xuân Anh	Con	Không có	14,020 cổ phần	0,025

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	Công ty con/Công ty đo TCPTI nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
815.997.000 đồng	782.716.000 đồng	589.111.000 đồng	259.543.800 đồng	129.771.900 đồng	152.114.000 đồng	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HĐKT-MB/2019 ký ngày 01/01/2019, số 01/HĐKT-MB/2020 ký ngày 01/01/2020 và số 01/HĐKT-MB/2021 ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng (Ông Vũ Xuân Thịnh là Tổng Giám đốc – người có liên quan của ông Vũ Xuân Thụy) và Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc. Hợp đồng mua bán	Không

						giấy đỏ số: 01/2019/ĐMB/HĐP- HH ký ngày 01/01/2019, số 01/2020/ĐMB/HĐP- HH ký ngày 01/01/2020 và số 01/2021/ĐMB/HĐP- HH ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng và Công ty cổ phần Hải Hà.	
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Ông Vũ Xuân Thịnh – Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc

Tên:	Vũ Xuân Thịnh	
Ngày sinh:	20/6/1974	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Cử nhân	
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Luật	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T5/2016 – nay	Công ty cổ phần Hapaco nay là Công ty cổ phần Tập đoàn	Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám đốc

		Hapaco			
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác					
Thời gian (Từ năm đến năm)		Đơn vị công tác		Chức vụ	
Từ T10/1991 – T12/1993		Công ty Giấy Hải Phòng		Công nhân	
Từ T1/1994 – T12/1996		Xưởng Gia công – Công ty Giấy Hải Phòng		Xưởng trưởng	
Từ T1/1997 – T6/1998		Xưởng Gia Công – Công ty Giấy Hải Phòng		Quản đốc	
Từ T7/1998 – T1/2002		Công ty Giấy Hải Phòng		Phó Tổng Giám đốc	
Từ T2/2002 – T3/2003		Công ty Giấy Hải Phòng		Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng tiếp thị kinh doanh	
Từ T4/2003 – T4/2016		Công ty Giấy Hải Phòng		Phó Tổng Giám đốc	
Từ T4/2000 – T12/2020		Công ty Dịch vụ Thương mại Hải Phòng		Tổng Giám đốc	
Từ T10/2005 – nay		Công ty cổ phần Hải Hà		Chủ tịch HĐQT	
Từ T12/2020 – nay		Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng		Giám đốc	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan				Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
		Ông Vũ Xuân Thịnh		2.389.547 cổ phần	4,31%
		Người đại diện theo ủy quyền		0	0
		Những người có liên quan		11.888.891 cổ phần	21,43%
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại Tổ chức phát	Tỷ lệ sở hữu (%)

				hành	
1	Vũ Dương Hiền	Bố	Chủ tịch HĐQT	7.184.167 cổ phần	12,95
2	Trần Thị Vân Anh	Vợ	Không có	39.396 cổ phần	0,0071
3	Vũ Xuân Cường	Em	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.144.511 cổ phần	3,87
4	Vũ Xuân Thùy	Anh	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách	2.455.340 cổ phần	4,43
5	Vũ Thị Thanh Chung	Chị	Không có	65.477 cổ phần	0,12

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
648.931.000 đồng	614.886.000 đồng	414.428.000 đồng	222.041.790 đồng	111.026.895 đồng	133.020.000 đồng	Hợp đồng mua bán giấy để số: 01/HĐKT-MB/2019 ký ngày	Không

						01/01/2019, số 01/HĐKT- MB/2020 ký ngày 01/01/2020 và số 01/HĐKT- MB/2021 ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng (Ông Vũ Xuân Thịnh là Tổng Giám đốc) và Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc. Hợp đồng mua bán giấy đề số: 01/2019/ĐMB/HP- HH ký ngày 01/01/2019, số 01/2020/ĐMB/HP- HH ký ngày 01/01/2020 và số 01/2021/ĐMB/HP- HH ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng và Công ty cổ phần Hải Hà.	
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Ông Vũ Xuân Cường – Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc

Tên:	Vũ Xuân Cường				
Ngày sinh:	12/04/1971				
Quốc tịch:	Việt Nam				
Trình độ học vấn:	Thạc sỹ				
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh				
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành					
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ T8/2008 – T12/2011	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco			Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
Từ T1/2012 – T8/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco			Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
T9/2018 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco			Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác					
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác			Chức vụ	
T10/2005 – T6/2014	Công ty cổ phần Giấy Hapaco			Giám đốc	
Từ T9/2014 đến nay	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green			Tổng Giám đốc	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan				Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Vũ Xuân Cường			2.144.511 cổ phần	3,87%
	Người đại diện theo ủy quyền			0	0
	Những người có liên quan			12.094.531 cổ phần	21,80%
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại Tổ chức phát	Tỷ lệ sở hữu (%)

				hành	
1	Vũ Dương Hiền	Bố	Chủ tịch HĐQT	7.184.167 cổ phần	12,95
2	Vũ Xuân Thịnh	Anh	Thành viên HĐQT	2.389.547 cổ phần	4,31
3	Vũ Xuân Thủy	Anh	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách	2.455.340 cổ phần	4,43
4	Vũ Thị Thanh Chung	Chị	Không có	65.477 cổ phần	0,12

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
645.739.000 đồng	623.146.000 đồng	396.773.250 đồng	82.371.270 đồng	41.185.635 đồng	128.665.000 đồng	Hợp đồng mua bán giấy đề số: 01/HĐKT-MB/2019 ký ngày 01/01/2019, số 01/HĐKT-MB/2020 ký ngày 01/01/2020 và số 01/HĐKT-MB/2021 ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng (Ông Vũ Xuân Thịnh là Tổng Giám đốc)	Không

						và Công ty TNHH MTV Hapaco Đồng Rào. Hợp đồng mua bán giấy, số 01/2019/DMB/HIP-HH ký ngày 01/01/2019, số 01/2020/DMB/HIP-HH ký ngày 01/01/2020 và số 01/2021/DMB/HIP-HH ký ngày 01/01/2021 giữa CTCP giấy Hải Phòng và Công ty cổ phần Hải Hà.	
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Ông Phí Trọng Phúc – Thành viên HĐQT độc lập

Tên:	Phí Trọng Phúc	
Ngày sinh:	07/11/1989	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Thạc sỹ	
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

(Từ năm đến năm)			
2019-nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác			
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ năm 2020 – nay	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hải Phòng (VCCI Hải Phòng)	Trưởng phòng	
Từ năm 2019 – năm 2020	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hải Phòng (VCCI Hải Phòng)	Phó trưởng phòng	
Từ năm 2016 – năm 2019	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hải Phòng (VCCI Hải Phòng)	Cán bộ chi nhánh	
Từ Tháng 1 – 6/2016	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu INTERWYSE	Phó phòng Tổng hợp	
Từ năm 2011 – 2012	Công ty Toyota Việt Nam	Nhân viên Xuất nhập Khẩu	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Phí Trọng Phúc	0 cổ phần	0
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần	0
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương	Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được	Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và
---------------------	---	--

			nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
35.000.000 đồng	63.000.000 đồng	-	-	-	56.700.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Ông Nguyễn Đức Hậu, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Tên:	Nguyễn Đức Hậu	
Ngày sinh:	21/08/1971	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Cử nhân	
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2009 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2013 – 2015	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Người được uỷ quyền Công bố thông tin
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		

Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ năm 2009 – nay	Bệnh viện Quốc tế Green	Giám đốc hành chính nhân sự hậu cần	
Từ năm 2006 – 2008	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	Giám đốc xí nghiệp số 2	
Từ năm 1999 - 2005	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	Giám đốc xí nghiệp số 3	
Từ năm 1995 - 1998	Công ty giấy Hải Phòng	Phó Giám đốc phân xưởng số 3	
Từ năm 1992 - 1994	Công nhân cơ điện	Nhà máy giấy Hải Phòng	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Nguyễn Đức Hậu	74.828 cổ phần	0,13%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	57.732 cổ phần	0,104%
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
75.000.000 đồng	63.000.000 đồng	-	42.651.960 đồng	21.325.980 đồng	56.700.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ			Không có				

chức phát hành:	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:	Không có

Ông Đoàn Đức Luyện – Thành viên HĐQT độc lập

Tên:	Đoàn Đức Luyện	
Ngày sinh:	20/11/1948	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Tiến sĩ	
Năng lực chuyên môn:	Tiến sĩ Khoa học - Đại học Ngoại thương Hà Nội	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2021 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2011-nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Thành viên HĐQT
Từ năm 1996 - 2015	Công ty cổ phần KCN Đình Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Từ năm 1996 - 2015	Công ty cổ phần Công trình GT Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 1984 - 1995	Công ty kinh doanh dịch vụ	Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng

	Ngoại thương Hải Phòng	Ủy	
Từ năm 1981 - 1984	Liên hiệp các công ty xuất nhập khẩu Hải Phòng	Trưởng phòng kế hoạch giá	
Từ năm 1979 -1981	Công ty Cung ứng tàu biển Hải Phòng	Chuyên viên kế hoạch giá	
Từ năm 1974 - 1979	Dại học Ngoại Thương	Sinh viên	
Từ năm 1971 - 1974	Hải quan Hà Nội, Hải Phòng	Cán bộ kiểm soát Hải quan	
Từ năm 1968 - 1971		Bộ đội tại chiến trường B1, Trung đội trưởng, Phó BT đoàn TN	
Từ năm 1965 - 1968	Trường An Dũng, Kiến Thụy, Hải Phòng	Giáo viên, Bí thư Đoàn trường	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Đoàn Đức Luyện	0 cổ phần	0
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần	0
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
-	-	-	-	-	-	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ			Không có				

chức phát hành:	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:	Không có

Thành viên Ban kiểm soát:

Ông Phạm Đức Phiên – Trưởng Ban kiểm soát

Tên:	Phạm Đức Phiên	
Ngày sinh:	13/10/1975	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Cử nhân	
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kế toán	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2019-nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2011 - nay	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Giám đốc dịch vụ khách hàng
Từ năm 2007 – 2011	Công ty cổ phần đầu tư Hafinco	Giám đốc
Từ tháng 6/2007-10/2007	Trung tâm tư vấn đầu tư và kinh doanh tài chính	Giám đốc
Từ tháng 1/2007-6/2007	Công ty cổ phần Quản lý quỹ	Trưởng phòng Tư vấn đầu tư

	Dầu tư Chứng khoán Hải Phòng	
Từ năm 2004 - 2006	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ tháng 5/2004-7/2004	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Quyền trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 2003 - 2004	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Trợ lý Tổng Giám đốc
Từ tháng 4/2003-11/2003	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Phó phòng Tài chính Kế toán
Từ năm 2001 - 2003	Công ty liên doanh tàu cao tốc VCHK Tân Hải	Trưởng phòng Kế toán
Từ năm 2000 - 2001	Công ty cung ứng tàu biển TMDL và DV Hải Phòng	Kế toán
Từ năm 1999 - 2000	Nhà máy cơ khí chế tạo Hải Phòng	Quyền trưởng phòng Kế toán
Từ năm 1996 - 1999	Công ty Dược Hải Phòng	Kế toán
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu
	Ông Phạm Đức Phiên	0 cổ phần
	Người đại diện theo ủy quyền	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có	

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương	Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa)	Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
---------------------	---	---

			chọn cho người lao động (số lượng, giá)...				
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
25.000.000 đồng	45.000.000 đồng	-	-	-	40.500.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Bà Khoa Thị Thanh Huyền – Thành viên Ban kiểm soát

Tên:	Khoa Thị Thanh Huyền	
Ngày sinh:	21/04/1983	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Cử nhân	
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T5/2021 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Thành viên Ban kiểm soát
Năm 2013 đến T4/2021	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Nhân viên phòng Kế toán
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2011 đến 2013	Công ty TNHH Hapaco Hải	Phó phòng Kế toán

	Ấu		
Năm 2009 đến 2011	Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Phó phòng Kế toán	
Năm 2006 đến 2009	Công ty cổ phần Hapaco Hải Ấu	Chuyên viên Kế toán	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Khoa Thị Thanh Huyền	889.152	1,6%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần	0
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
		82.777.337 đồng	-	-	6.450.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lợi của Tổ chức phát hành:			Không có				

Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thành viên Ban kiểm soát

Tên:	Nguyễn Thị Mỹ Trang		
Ngày sinh:	14/08/1979		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Trình độ học vấn:	Cử nhân		
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Luật		
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ T4/2019 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Thành viên Ban kiểm soát	
Từ năm 2018 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Phó phòng hành chính – bộ phận Pháp chế	
Từ năm 2014 đến 2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Nhân viên hành chính – bộ phận pháp chế	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác			
Từ năm 2010 – năm 2014	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Nhân viên pháp chế	
Từ năm 2008 – năm 2009	Công ty cổ phần Bất Động Sản Sài Gòn - Phương Nam	Sale, Trợ lý Giám đốc kinh doanh	
Từ năm 2006 – năm 2008	Công ty cổ phần xây dựng kinh doanh Nhà Phát Đạt – Tp.HCM	Trợ lý Giám đốc kinh doanh	
Từ năm 2001 – năm 2006	Công ty AC Nielsen Việt Nam	Trưởng nhóm nghiên cứu	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	164 cổ phần	0,0003%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần	0

Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có
---	----------

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
369.164.000 đồng	281.256.000 đồng	187.924.500 đồng	-	-	71.762.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

✎ Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ông Vũ Xuân Thủy – Phó Tổng Giám đốc Phụ trách; Phó Chủ tịch HĐQT

Như trên.

Ông Vũ Xuân Thịnh – Phó Tổng Giám đốc; Thành viên HĐQT

Như trên.

Ông Vũ Xuân Cường – Phó Tổng Giám đốc; Thành viên HĐQT

Như trên.

Ông Nguyễn Đức Hậu – Phó Tổng Giám đốc; Thành viên Hội đồng quản trị

Như trên.

Ông Bùi Doãn Nhân – Phó Tổng Giám đốc

Tên:	Bùi Doãn Nhân		
Ngày sinh:	10/11/1962		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Trình độ học vấn:	Thạc sỹ, Kỹ sư		
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Cử nhân Luật, Kỹ sư nông nghiệp		
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2020 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác			
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2015-2020	UBND Huyện Thuỷ Nguyên, TP. Hải Phòng	Phó Chủ tịch UBND Huyện	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Bùi Doãn Nhân	0 cổ phần	
	Người đại diện theo ủy quyền	0	
	Những người có liên quan	0 cổ phần	
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương	Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được)	Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và
---------------------	--	---

			nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giới...)			chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
-	30.265.000 đồng	264.654.250 đồng	-	-	37.403.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

Bà Cao Thị Thúy Lan – Kế toán trưởng

Tên:	Cao Thị Thúy Lan	
Ngày sinh:	24/01/1960	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Trình độ học vấn:	Cử nhân kinh tế, Cử nhân quản lý hành chính Nhà nước	
Năng lực chuyên môn:	Chuyên ngành kế toán	
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2016 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Kế toán trưởng
Từ năm 2015 - 2016	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	Nhân viên phòng kế toán
Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác		
Thời gian (Từ năm đến năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ

Từ năm 1980 đến năm 2015	Cục thuế Hải Phòng	Cán bộ thanh kiểm tra	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Cao Thị Thủy Lan	26.368 cổ phần	0,048%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0 cổ phần	0
Những người có liên quan đồng thời là cổ đông nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có		

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019	2020	9T/2021	2019	2020	9T/2021	2019	2020
344.963.308 đồng	333.959.300 đồng	245.268.536 đồng	13.029.760 đồng	7.514.880 đồng	85.848.000 đồng	Không	Không
Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành:			Không có				
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:			Không có				

[Đoạn này được để trống có chủ đích]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 55.471.151 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

554.711.510.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá cổ phiếu được xác định dựa trên giá trị sổ sách, giá trị thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần sau khi phát hành.

🔢 Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 30/06/2021

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Book Value/BV):

$BV = \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} / \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}$

$BV \text{ tại thời điểm } 31/12/2021 = 661.335.344.611 / 55.471.151 = 11.922 \text{ đồng/cổ phiếu}$
(*Tính theo BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán của HAP*).

🔢 Giá trị thị trường:

Giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu HAP trong 30 phiên gần nhất từ ngày 17/11/2021 đến 28/12/2021 là: 16.342 đồng/cổ phiếu.

🔢 Mức độ pha loãng cổ phiếu:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau đây:

$$P = \frac{Pt - 1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

Pt-1: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng) – Giá định: 15.000 đồng/cổ phiếu;

I: là tỷ lệ vốn tăng, $I = 1:1$ (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu HAP tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm),

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới – 10.000 đồng/cổ phần.

$$P = (15.000 + 1/1 \times 10.000)/(1+1/1)$$

$$= 12.500$$

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần mới).

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối theo tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (đồng thời đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu).

Việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

Số cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời, công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và thời gian, địa điểm thực hiện quyền.

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phòng tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua và số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền đã được Nghị quyết DIIDCD số 85/2021/HAP-NQĐHĐCD thông qua ngày 16/08/2021.

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

Phương thức thanh toán

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phòng tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký. Số tiền mua cổ phiếu sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tổng hợp và chuyển về Tài khoản phong tỏa của Công ty theo quy định;

- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông đăng ký tại trụ sở Công ty trong thời hạn phân phối tiền mua cổ phiếu được nộp vào Tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại trụ sở của Công ty cổ phần

Tập đoàn Hapaco, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

Phương án xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua:

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối theo tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (đồng thời đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu).

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T đến T+7
3	Xác định ngày chốt Danh sách sở hữu cuối cùng, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng	T+11
4	Phối hợp cùng VSD, BVSC phân bổ và thông báo quyền mua đến các cổ đông	T+11 đến T+14
5	Đăng ký thực hiện quyền, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào Tài khoản phong tỏa	T+14 đến T+34
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+34 đến T+44
7	Xử lý cổ phần không bán hết	T+44 đến T+46
8	Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN	T+47
9	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	T+50

Lộ trình thực tế có thể thay đổi theo nhu cầu thực tế của Hapaco, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào Tài khoản phong tỏa như sau:

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng

Tên tài khoản số: 1018894087

Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco

12. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Nghị quyết HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco số 88/2021/NQ-HĐQT ngày 20/08/2021, HĐQT đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu ra công chúng đáp ứng về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Các cổ đông của Công ty là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chỉ được phép:

(i) Thực hiện quyền theo phương án tăng vốn đã thông qua;

(ii) Và/hoặc chuyển nhượng quyền mua (bán/mua) với các nhà đầu tư nước ngoài khác và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ khác trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu;

(iii) Bán quyền mua cho các nhà đầu tư Việt Nam;

(iv) Không thực hiện nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông Việt Nam.

- Trong trường hợp khi thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ có phát sinh cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, HĐQT Công ty không phân phối số cổ phiếu này cho

nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

13. Các loại thuế có liên quan

Thuế Giá trị gia tăng:

Công ty áp dụng mức Thuế Giá trị gia tăng là 10% theo quy định của Pháp luật.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Căn cứ "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính" thì mức thuế suất Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%.

Các loại thuế khác:

Đối với nhà đầu tư cá nhân: Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu Thuế Thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- + Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
- + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn".

- Thu nhập từ cổ tức: Theo thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của các cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt, Thuế Thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: "Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế TNDN là 22% (kể từ ngày 01/01/2016 thuế suất Thuế TNDN sẽ là 20%).

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

14. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thực hiện niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Thời gian cụ thể theo hướng dẫn tại mục VII.9 của Bản cáo bạch này

- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco cam kết:

- + Thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng tại HNX.

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

[Đoạn này được để trống có chủ đích]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 554.711.510.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green từ nguồn vốn được huy động thêm: - Số lượng cổ phần cần mua tại Công ty mục tiêu: tối đa 24.000.000 cổ phần để sở hữu 79,28% tại Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green Giá mua: tối đa 20.000 đồng / cổ phần	480.000.000.000
2	Đầu tư mua 7.400.000 cổ phần phát hành thêm bởi Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tại đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược năm 2021 theo phương án được ĐHĐCD Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/BVG/NQ-ĐHĐCD ngày 15/04/2021. Giá phát hành: 10.000 đồng / cổ phần	74.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	711.510.000
	Tổng cộng	554.711.510.000

Nguồn: Hapaco

2. Thông tin liên quan đến Công ty cổ phần Bệnh Viện Quốc tế Green

2.1. Thông tin tổng quan

Thông tin chung

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ GREEN

Tên Công ty viết tắt: GREEN INTERNATIONAL HOSPITAL JOINT STOCK
bằng tiếng nước ngoài: COMPANY

ngoài:

Tên Công ty viết tắt: GREEN INTERNATIONAL HOSPITAL

Trụ sở chính: Số 738 đường Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0201450471 đăng ký lần đầu ngày 18/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp

Điện thoại: 031.3786222

Fax: 031.3786111

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ y tế, khám chữa bệnh

Quá trình hình thành và phát triển

- Bệnh viện Quốc tế Green có tiền thân là Dự án Bệnh viện chuyên về sản nhi do Tập đoàn Hapaco làm chủ đầu tư được khởi công và xây dựng từ năm 2009. Bệnh viện có tổng diện tích sử dụng hơn 20.000m² và đón những bệnh nhân đầu tiên từ ngày 10/10/2014.

- Bệnh viện được xây dựng trên trục đường Nguyễn Văn Linh, cách trung tâm thành phố 2km, rất thuận lợi về giao thông đi lại. Bệnh viện được xây dựng trên tổng diện tích 12.192m², chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn I (2011 – 2013) sẽ thực hiện xong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và vệ sinh môi trường với quy mô 100 giường bệnh và tuyển dụng 300 nhân sự; Giai đoạn II (2013 – 2020) hoàn thành cơ sở hạ tầng và cơ cấu nhân sự, với 206 giường và 618 nhân viên.

- Năm 2014, để chuyên nghiệp hóa quản trị và điều hành lĩnh vực y tế, trên cơ sở Dự án Bệnh viện, Tập đoàn Hapaco đã góp vốn cùng các cổ đông thành lập Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green, Công ty được chính thức cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/04/2014. Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green được thành lập với mục tiêu nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh sản phụ khoa của thành phố Hải Phòng, khu vực

duyên hải và cho người nước ngoài. Kể từ khi thành lập đến nay, Bệnh viện luôn đẩy mạnh công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập nền y học khu vực và thế giới, góp phần hoàn thiện các công trình dịch vụ công cộng cho thành phố Hải Phòng. Bên cạnh đó, đóng góp của Bệnh viện cũng góp phần giảm tải cho hệ thống y tế công lập, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em nói riêng.

- Quá trình phát triển:

- + Ngày 18/04/2014, Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green được thành lập, trên cơ sở tiền thân là Dự án Bệnh viện của Tập đoàn Hapaco;

- + Ngày 10/02/2015, Bệnh viện thành lập khoa Nhi: tiếp nhận khám, chẩn đoán, tư vấn và điều trị nội trú và ngoại trú, hầu hết các bệnh lý nhi khoa bao gồm các bệnh lý về thể chất, tâm sinh lý, tâm lý vận động;

- + Ngày 04/09/2015, Bệnh viện thành lập các phòng khám Chuyên khoa Nội, Ngoại, Da liễu, Răng - Hàm - Mặt, Tai - Mũi - Họng, bắt đầu khám sức khỏe tổng quát cho các công ty ở Hải Phòng và các tỉnh thành phố lân cận;

- + Ngày 02/04/2016, Bệnh viện thành lập Green Beauty: dịch vụ chuyên chăm sóc cho Mẹ bầu, giúp các Mẹ có thể phục hồi lại sức khỏe sau sinh cũng như lấy lại vóc dáng sau sinh;

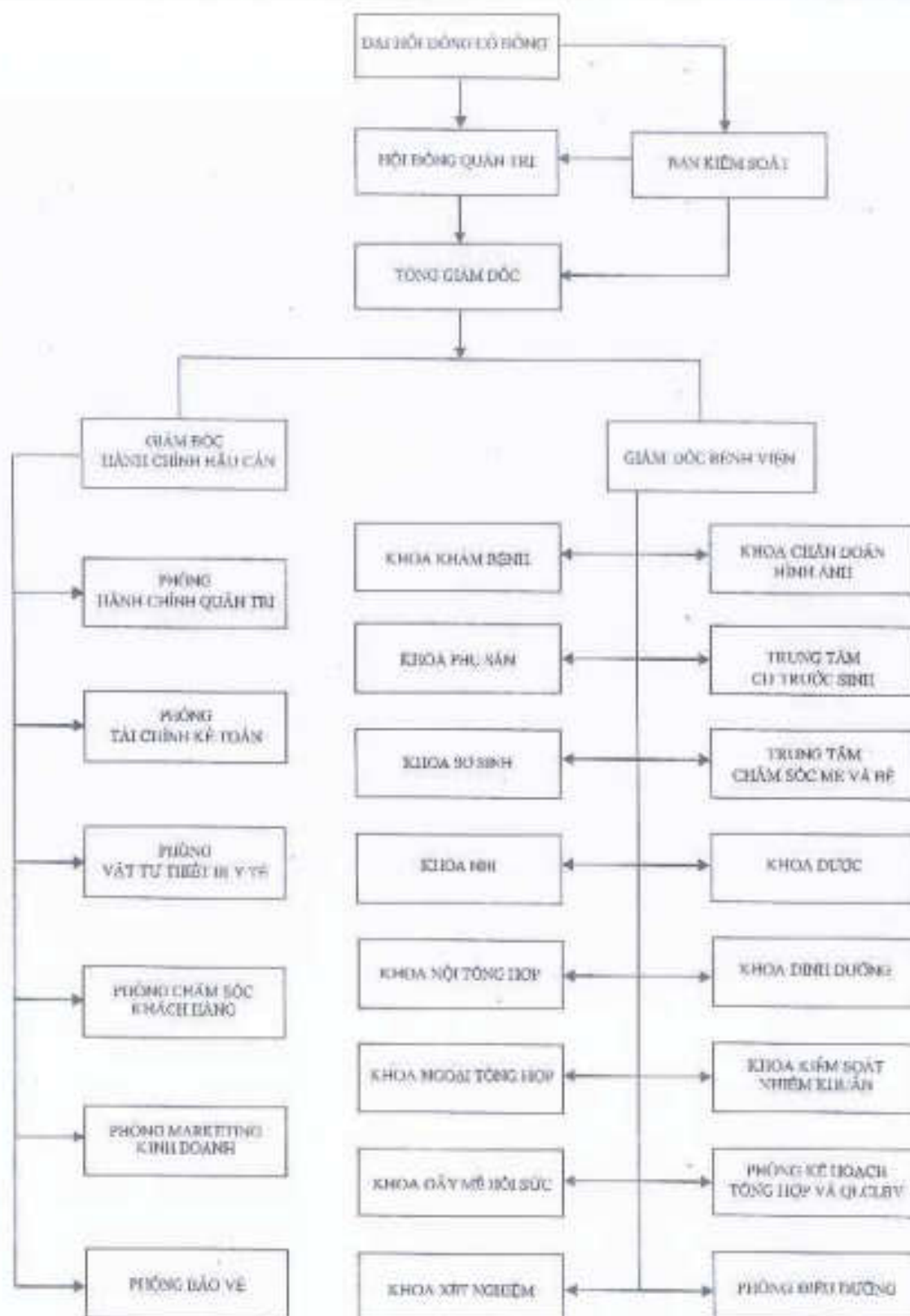
- + Ngày 10/05/2016, Bệnh viện thành lập khoa Nội Tổng hợp, khoa Ngoại Tổng hợp, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ.

- Hiện tại, đội ngũ y - bác sỹ là các chuyên gia đầu ngành, trình độ chuyên môn cao, tận tụy và hết lòng vì lợi ích của bệnh nhân. Hàng năm, Bệnh viện với tổng số bệnh nhân nội trú đạt hàng nghìn người, hơn 30.000 lượt khám bệnh ngoại trú, khám sức khỏe tổng quát.

- Bệnh viện Quốc tế Green được thiết kế xây dựng với tiêu chuẩn của khách sạn với các khu khám bệnh, khu điều trị, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu phụ trợ spa, shop bán hàng cho mẹ và bé, khu thư giãn, khu sân vườn và khu trò chơi cho bé được thiết kế hài hòa sáng tạo theo môi trường điều trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sơ đồ tổ chức Công ty

Sơ đồ 3: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green



Nguồn: BVGreen

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua định hướng phát triển công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát đồng thời rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Các phòng ban, các khoa: Thực hiện theo sự điều hành của Người quản lý Công ty, đảm bảo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện tiếp đón và khám chữa bệnh theo đúng quy định của Bệnh viện.

2.2. Thông tin tài chính của Công ty

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Đồng

HẠNG MỤC	31/12/2019	31/12/2020
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	135.295.368.192	234.329.311.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.664.054.784	2.910.955.484
I. Tiền	3.664.054.784	2.910.955.484
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		148.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		148.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	127.759.010.101	80.336.394.200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.245.335.966	1.199.674.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.795.503.906	1.874.285.602
3. Phải thu ngắn hạn khác	123.718.170.229	77.262.434.406
IV. Hàng tồn kho	3.747.716.496	3.017.558.121
I. Hàng tồn kho	3.747.716.496	3.017.558.121
V. Tài sản ngắn hạn khác	124.586.811	64.403.467
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	124.586.811	64.403.467
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	361.206.465.962	343.555.865.231
I. Tài sản cố định	359.109.757.851	341.721.622.240
1. Tài sản cố định hữu hình	284.609.757.851	267.221.622.240
- Nguyên giá	375.204.281.111	378.310.053.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	(90.594.523.260)	(111.088.431.656)

HẠNG MỤC	31/12/2019	31/12/2020
2. Tài sản cố định vô hình	74.500.000.000	74.500.000.000
- Nguyên giá	74.500.000.000	74.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
II. Tài sản dài hạn khác	2.096.708.111	1.834.242.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.096.708.111	1.834.242.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	496.501.834.154	577.885.176.503
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	266.896.167.511	257.704.891.251
I. Nợ ngắn hạn	53.166.120.941	72.351.469.681
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.982.267.822	4.804.791.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.915.388.323	3.157.111.812
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	214.913.112	1.669.684.745
4. Phải trả người lao động	2.735.992.509	2.855.489.604
5. Phải trả ngắn hạn khác	42.317.559.175	46.424.391.596
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		13.440.000.000
II. Nợ dài hạn	213.730.046.570	185.353.421.570
1. Phải trả dài hạn khác	114.893.421.570	114.893.421.570
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	98.836.625.000	70.460.000.000
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	229.605.666.643	320.180.285.252
I. Vốn chủ sở hữu	229.605.666.643	320.180.285.252

HẠNG MỤC	31/12/2019	31/12/2020
1. Vốn chủ sở hữu	229.173.888.345	319.245.388.345
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	229.173.888.345	319.245.388.345
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	431.778.298	934.896.907
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	428.466.863	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	3.311.435	934.896.907
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	496.501.834.154	577.885.176.503

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green

Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.978.369.009	147.144.183.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.978.369.009	147.144.183.513
4. Giá vốn hàng bán	89.700.785.660	79.123.801.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.277.583.349	68.020.381.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.042.095	10.362.205.020

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
7. Chi phí tài chính	14.024.321.517	9.563.605.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>14.024.321.517</i>	<i>9.563.605.634</i>
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.279.441.078	41.898.845.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.020.137.151)	26.920.135.741
11. Thu nhập khác	1.524.283.838	835.060.765
12. Chi phí khác	500.835.252	301.677.897
13. Lợi nhuận khác	1.023.448.586	533.382.868
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.311.435	27.453.518.609
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.450.400.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.311.435	26.003.118.609

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green

2.3. Triển vọng ngành y tế tư nhân tại Việt Nam

Từ năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 về việc khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực y tế. Theo đó, Chính phủ khuyến khích tư nhân tham gia vào lĩnh vực y tế, phát triển hạ tầng cơ sở phục vụ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Chỉ sau đó 05 năm đã có 206 bệnh viện tư nhân với 15.470 giường bệnh và trên 35.000 phòng khám tư nhân khắp cả nước. Tuy nhiên, nhìn vào thực tế của một đất nước hơn 90 triệu dân và tỷ lệ dân số già ngày một gia tăng, thì đó vẫn là những con số còn khá khiêm tốn.

Theo Báo cáo Việt Nam 2035 do Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện đã chỉ rõ: Tổng mức chi tiêu cho y tế tại thị trường nội địa chiếm khoảng 5,8% GDP. Chỉ số này được xem là cao nhất trong khu vực và dự kiến sẽ duy trì ổn định đến năm 2035. Điều đó sẽ tiếp tục mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong thời gian tới.

Theo số liệu của Công ty cổ phần Du lịch Nha khoa Việt Nam, mỗi năm có khoảng 100.000 lượt khách nước ngoài đến Việt Nam khám chữa răng, đem lại doanh thu 150 triệu USD. Khách nước ngoài thích đến Việt Nam khám chữa răng vì kỹ thuật nha khoa có chất lượng ngang hàng với những nước phát triển nhưng giá lại rẻ hơn có khi đến 50% sẽ góp phần giúp du lịch khám chữa bệnh ở Việt Nam tăng thêm sức hấp dẫn.

Thực tế cho thấy, nhu cầu của người dân trong việc sử dụng các dịch vụ y tế cao cấp luôn tồn tại và phát triển, do đó các nhà đầu tư cũng tập trung đầu tư vào lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Song song với đó là sự đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, khi các bệnh viện tư nhân ra đời còn giải quyết được bài toán giảm quá tải cho các bệnh viện công, hạn chế việc phải chuyển bệnh nhân lên tuyến trên điều trị.

Do đó, đầu tư của tư nhân vào lĩnh vực y tế được dự báo ngày càng hấp dẫn bởi nhu cầu của người dân về các dịch vụ y tế cao cấp tăng nhanh trong khi hệ thống cơ sở y tế công lập hiện tại vẫn chưa thể đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền và thứ tự ưu tiên tiền thu được từ đợt phát hành

Như đã trình bày ở mục VIII.1, kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green từ nguồn vốn được huy động thêm: - Số lượng cổ phần cần mua tại Công ty mục tiêu: tối đa 24.000.000 cổ phần để sở hữu 79,28% tại Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green Giá mua: tối đa 20.000 đồng / cổ phần	480.000.000.000

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (đồng)
2	Đầu tư mua 7.400.000 cổ phần phát hành thêm bởi Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tại đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược năm 2021 theo phương án được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/BVG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021. Giá phát hành: 10.000 đồng / cổ phần	74.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	711.510.000
	Tổng cộng	554.711.510.000

Nguồn: Hapaco

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để thực hiện các mục đích nêu trên, IIAP sẽ sử dụng các công cụ tài chính hợp pháp khác, bao gồm và không giới hạn các công cụ vốn chủ hoặc vốn nợ để thu xếp đủ nguồn vốn thực hiện các mục đích phát hành trên. Trong thời gian thu xếp nguồn tài chính khác để bù đắp số tiền thiếu hụt, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng với thứ tự ưu tiên giải ngân lần lượt như sau:

- Thứ nhất, giải ngân đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green.
- Thứ hai, giải ngân đầu tư mua cổ phần phát hành thêm của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green.
- + Thứ ba, giải ngân để bổ sung vốn lưu động.

Trong trường hợp giá mua cổ phần hiện hữu Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green và giá mua cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green phát hành thêm thấp hơn giá dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại phương án sử dụng vốn huy động từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Công ty dự kiến sẽ sử dụng số tiền còn lại này để bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản công nợ.

2. Kế hoạch mua cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2021, Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green đang có 6 cổ đông với cơ cấu sở hữu như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	17.700.000	33,65%
2	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	1.790.000	3,40%
3	Ông Vũ Dương Hiền	24.810.000	47,17%
4	Ông Vũ Xuân Cường	3.400.000	6,46%
5	Ông Vũ Xuân Thịnh	2.000.000	3,80%
6	Ông Vũ Xuân Thủy	2.900.000	5,51%
Tổng		52.600.000	100%

Nguồn: Hapaco

Công ty dự kiến thực hiện các giao dịch mua cổ phần các cổ đông của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green để thực hiện phương án sử dụng vốn nêu trên, dự kiến như sau:

TT	Tên cổ đông CTCP Bệnh viện Quốc tế Green (*)	CMND/CCCD	Chuyển nhượng cho HAP		
			Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Vũ Dương Hiền	030664890	29,85%	15.700.000	314.000.000.000
2	Vũ Xuân Cường	031071005037	6,46%	3.400.000	68.000.000.000
3	Vũ Xuân Thịnh	031168013	3,80%	2.000.000	40.000.000.000
4	Vũ Xuân Thủy	031066001199	5,51%	2.900.000	58.000.000.000
Tổng cộng			45,63%	24.000.000	480.000.000.000

(*) Các cổ đông trên đều là cổ đông đồng thời là người nội bộ của Công ty. Thông tin về các cổ đông đã được trình bày tại mục VI.3 của Bản cáo bạch.

Tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Ông Vũ Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Sau các giao dịch này, dự kiến HAP sẽ trực tiếp sở hữu 41.700.000 cổ phần Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green, tương đương tỷ lệ sở hữu đạt 79,28%.

Trên cơ sở giá trị các tài sản của BVGreen và tham khảo chứng thư thẩm định giá số 15/2021/CT-TDG/ADAC do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon phát hành, kết quả thỏa thuận với các cổ đông Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về số lượng cổ phần sẽ bán cho HAP, ĐHĐCD đã phê duyệt việc mua cổ phần BVGreen với tỷ lệ mua tối đa 45,63% vốn điều lệ, giá mua dự kiến tối đa là 20.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết ĐHĐCD số 85/2021/HAP-NQĐHĐCD ngày 16/08/2021.

Tiến độ thực hiện dự kiến giải ngân 480.000.000.000 đồng để đầu tư mua cổ phần BVGreen từ các cổ đông hiện hữu của BVGreen như sau:

Nội dung công việc	Ngày dự kiến
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có văn bản thông báo nhận được Báo cáo kết quả phát hành của HAP.	T
HAP thương thảo, đàm phán Hợp đồng mua cổ phần với các cổ đông BVGreen	T – (T+15)
HAP ký kết Hợp đồng đặt mua cổ phần với các cổ đông BVGreen	(T+16) – (T+20)
HAP chuyển tiền mua cổ phần cho các cổ đông BVGreen theo quy định tại các Hợp đồng đặt mua cổ phần.	từ ngày T+21

(Lưu ý: Ngày T được tính là ngày thường. Thời gian thực tế triển khai có thể điều chỉnh thay đổi phụ thuộc vào kết quả làm việc thực tế giữa HAP với các cổ đông BVGreen)

Dự kiến Công ty sẽ triển khai mua cổ phần BVGreen trong Quý I/2022 sau khi có thông báo nhận được Báo cáo kết quả phát hành.

3. Kế hoạch mua cổ phần phát hành thêm của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCD số 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 15/04/2021 Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (BVGreen), BVGreen sẽ chào bán 74 tỷ đồng với mục đích cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (VND)	Ghi chú
-----	----------	---------------	---------

STT	Nội dung	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Đầu tư mua 01 hệ thống chụp cộng hưởng từ Tesla 3.0 Hãng sản xuất: GE – USA Năm sản xuất: 2021	29.500.000.000	Công ty đã ký Hợp đồng mua bán thiết bị y tế số 08/2021-GR với Công ty TNHH GE Việt Nam ngày 09/04/2021. Giá trị đã bao gồm các loại thuế, phí.
2	Đầu tư mua 01 hệ thống chụp CT – Scanner Optima 128 lát. Hãng sản xuất: GE – USA Năm sản xuất: 2021	22.000.000.000	Công ty dự kiến sẽ giải ngân trong vòng 60 ngày kể từ ngày thu xếp được nguồn vốn bổ sung từ cổ đông chiến lược Hapaco
3	Trả nợ vay ngân hàng Sacombank CN Hải Phòng	22.500.000.000	Công ty đã có hợp đồng tín dụng số LD 1708600108 Ngày 30/03/2017 với Ngân hàng Sacombank CN Hải Phòng. Tính đến 31/12/2020, số dư nợ là 70.460.000.000 đồng (*).
	Tổng cộng	74.000.000.000	

(*) Tại ngày 30/06/2021, theo Thông báo số 352a/2021/CV-CNHP ngày 01/07/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hải Phòng, số dư tiền vay của BVGreen là 77.180.000.000 đồng.

Theo đó, toàn bộ số cổ phần phát hành riêng lẻ này sẽ phát hành cho Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco.

Một số thông tin về đợt chào bán đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/04/2021 Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green:

- + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Vốn điều lệ tăng thêm: 74.000.000.000 đồng
- + Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán: 600.000.000.000 đồng

+ Nguyên tắc xác định giá chào bán: Giá chào bán được xem xét trên cơ sở Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty theo BCTC đã kiểm toán năm 2020 là 10.029 đồng/cổ phiếu (số làm tròn). ĐHĐCĐ BVGreen phê chuẩn giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần chiết khấu 29 đồng so với giá trị sổ sách một cổ phần nêu trên.

+ Cổ phiếu được phát hành riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược – Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi vốn điều lệ tăng thêm.

HAP sẽ mua toàn bộ 7.400.000 cổ phần phát hành thêm với tổng giá trị 74.000.000.000 đồng (giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần) trong Quý I/2022 theo phương án phát hành được ĐHĐCĐ CTCP Bệnh viện Quốc tế Green thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/BVG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021.

Dự kiến số cổ phần mà HAP dự kiến sở hữu tại BVGreen sau khi hoàn thành thương vụ là 49.100.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 81,83%.

4. Kế hoạch bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Về kế hoạch bổ sung vốn lưu động, Công ty dự kiến sẽ dùng 711.510.000 đồng thu từ phát hành để thực hiện thanh toán một phần khoản phải trả ngắn hạn tại Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn.

Cụ thể, căn cứ Báo cáo tài chính riêng Quý III/2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco, HAP đang có khoản phải trả đối với Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn là 3.488.370.167 đồng. Số tiền thu từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động dự kiến 711.510.000 đồng, được Công ty dùng để thanh toán khoản phải trả tại Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn. Thông tin về khoản phải trả như sau:

Tên	Mối quan hệ với HAP	Lãi suất	Giá trị khoản nợ tính đến ngày 30/09/2021	Kỳ hạn	Thời gian dự kiến trả	Mục đích vay nợ
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con của HAP	0%	3.488.370.167 đồng	1 năm	Trong Quý I/2022	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn chuyển thừa lợi nhuận

Nguồn: Hapaco

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**✚ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Trụ sở: Tầng 3, số 8, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3761.3399

Fax: (8424) 3761.5599

✚ TỔ CHỨC TƯ VẤN:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Trụ sở: Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán

Căn cứ theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty dự kiến sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 55.626.621 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2021 của Công ty là 12.412 đồng/cổ phiếu (cao hơn 24,1% so với giá chào bán), giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu HAP trong 30 phiên gần nhất từ ngày 17/11/2021 đến 28/12/2021 là: 16.342 đồng/cổ phiếu (cao hơn 63,42% so với giá chào bán). Cùng với diễn biến thị trường chứng khoán có những dấu hiệu tích cực và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 khá tích cực của Hapaco, Chúng tôi cho rằng Hapaco có khả năng thành công trong đợt chào bán.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Nghị Quyết ĐHDĐCD số 85/2021/HAP-NQĐHDĐCD ngày 16/08/2021) thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty;
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên 2021 đã được soát xét, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý III/2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco;
5. **Phụ lục V:** Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 102/2021/NQ-HĐQT/HAP ngày 21/10/2021 thông qua việc triển khai các nội dung tại phương án phát hành và xử lý cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, không nộp tiền mua;
6. **Phụ lục VI:** Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 88/2021/NQ-HĐQT ngày 20/08/2021 thông qua chi tiết một số điều liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
7. **Phụ lục VII:** Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 87/2021/NQ-HĐQT ngày 20/08/2021 thông qua cam kết lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu HAP phát hành thêm;

XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ P. TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



VŨ DƯƠNG HIỀN



VŨ XUÂN THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



CAO THỊ THÚY LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NHỮ ĐÌNH HÒA